

Đà Nẵng, ngày tháng 10 năm 2018

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC THỂ CHẤT

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
HỆ ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY**

KHÓA 2016

(Kèm theo công văn số:/KGDTC ngàytháng 10 năm 2018 của Trường khoa Khoa Giáo dục Thể chất)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
1	161250413102	Nguyễn Sơn Bảo	Châu	08/02/1997		16C1	2.1	F	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
2	161250413105	Nguyễn Công	Diễm	30/10/1998	Quảng Trị	16C1	6.3	C	5.8	C	5.3	D	1.67	Không đạt	
3	161250413109	Nguyễn Quốc	Hạnh	25/9/1997	Hà Tĩnh	16C1	5.2	D	5.2	D	0.0	F	0.67	Không đạt	
4	161250413112	Nguyễn Việt	Hiếu	03/8/1998		16C1	5.8	C	5.6	C	1.2	F	1.33	Không đạt	
5	161250413114	Nguyễn Phú	Hoàng	20/7/1996		16C1	5.4	D					Thiếu điểm	Không đạt	
6	161250413115	Phan Tấn	Hùng	23/5/1998	Đà Nẵng	16C1	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
7	161250413116	Võ Thành	Hung	15/01/1998		16C1	6.8	C	7.5	B	7.9	B	2.67	Khá	
8	161250413117	Tôn Thất	Hữu	08/10/1998		16C1	5.5	C	6.0	C	7.1	B	2.33	Trung bình	
9	161250413119	Võ Đức	Khiêm	18/6/1998		16C1	4.9	D					Thiếu điểm	Không đạt	
10	161250413120	Lê Anh	Khoa	15/5/1998		16C1	7.4	B	2.5	F			Thiếu điểm	Không đạt	
11	161250413121	Trần Ngọc	Khoa	18/6/1998		16C1	7.8	B					Thiếu điểm	Không đạt	
12	161250413122	Phạm Ngọc	Lâm	20/12/1998		16C1	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
13	161250413124	Nguyễn Phước	Lễ	26/12/1995		16C1	3.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
14	161250413129	Nguyễn Hữu Trung	Nguyễn	24/10/1998		16C1	4.7	D					Thiếu điểm	Không đạt	
15	161250413130	Văn Trung	Nguyễn	06/7/1998		16C1	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
16	161250413131	Nguyễn Trần	Nhân	14/9/1998		16C1	2.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
17	161250413133	Lê Văn	Phú	08/8/1998		16C1	1.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
18	161250413136	Lê Anh	Quân	25/3/1998		16C1	1.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
19	161250413138	Nguyễn Phú Anh	Quang	24/5/1998	Đà Nẵng	16C1	6.1	C	6.0	C	0.8	F	1.33	Không đạt	
20	161250413139	Hoàng Văn	Quý	12/4/1998		16C1	2.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
21	161250413142	Trà Minh	Sửu	02/10/1997		16C1	7.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
22	161250413143	Ngô Phạm Tiến	Thành	23/11/1998		16C1	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
23	161250413144	Trương Văn	Thạnh	12/5/1998		16C1	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
24	161250413149	Võ Ngọc	Tiến	06/7/1997		16C1	5.4	D	2.6	F			Thiếu điểm	Không đạt	
25	161250413150	Võ Trần	Tiến	10/02/1998		16C1	5.4	D					Thiếu điểm	Không đạt	
26	161250413151	Nguyễn Hữu	Tiếp	02/12/1998		16C1	4.9	D					Thiếu điểm	Không đạt	
27	161250413152	Lê Văn	Toàn	10/9/1997	Đà Nẵng	16C1	5.9	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
28	161250413153	Trần Minh	Toàn	06/7/1998	Đà Nẵng	16C1	5.2	D	6.8	C	6.5	C	1.67	Không đạt	
29	161250413155	Bùi Quang	Trường	08/10/1998		16C1	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
30	161250413157	Nguyễn Đông	Trường	21/11/1998	Đà Nẵng	16C1	6.2	C	1.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
31	161250413161	Nguyễn Nguyên	Uy	02/01/1998		16C1	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
32	161250413164	Phạm Đắc	Hiếu	05/7/1998		16C1	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
33	161250413201	Nguyễn Thành	An	09/9/1998	Quảng Ngãi	16C2	4.7	D					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
34	161250413202	Huỳnh Tuấn	Bảo	20/01/1998		16C2	1.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
35	161250413206	Huỳnh Tấn	Đạt	29/8/1998	Quảng Nam	16C2	5.3	D	5.4	D	7.0	B	1.67	Không đạt	
36	161250413207	Lý Hồng	Hải	15/9/1998	Quảng Nam	16C2	7.4	B	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
37	161250413208	Lê	Hiếu	17/6/1997		16C2	6.1	C	8.2	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
38	161250413209	Nguyễn Văn	Hiếu	14/01/1997		16C2	5.4	D			1.2	F	Thiếu điểm	Không đạt	
39	161250413210	Nguyễn Việt	Hiếu	03/7/1998	Quảng Trị	16C2	5.1	D	6.8	C	6.3	C	1.67	Không đạt	
40	161250413213	Huỳnh Ngô Quốc	Huy	03/3/1998		16C2	6.8	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
41	161250413218	Nguyễn Văn	Kỳ	18/4/1998	Bình Định	16C2	2.1	F	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
42	161250413219	Lê Anh	Lâm	06/9/1998	Quảng Ngãi	16C2	6.5	C	6.0	C	4.2	D	1.67	Không đạt	
43	161250413221	Nguyễn Thành	Long	16/5/1998	Thừa Thiên Huế	16C2	4.5	D	5.6	C	6.8	C	1.67	Không đạt	
44	161250413225	Lê Tấn	Nguyên	15/5/1998		16C2	5.9	C	5.5	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
45	161250413226	Lê Hoàng	Nhân	26/9/1997		16C2	3.1	F	6.4	C	0.0	F	0.67	Không đạt	
46	161250413228	Phan Minh	Nhật	21/11/1998	Quảng Nam	16C2	2.3	F	5.6	C	6.3	C	1.33	Không đạt	
47	161250413232	Võ Duy	Phong	23/11/1998	Đà Nẵng	16C2	5.3	D	5.7	C	6.1	C	1.67	Không đạt	
48	161250413233	Phan Hồng	Phúc	02/12/1998		16C2	7.2	B	1.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
49	161250413235	Dương Thanh	Phương	25/8/1998	Quảng Nam	16C2	5.7	C			6.2	C	Thiếu điểm	Không đạt	
50	161250413238	Mai Văn	Quốc	16/3/1998		16C2	8.7	A	3.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
51	161250413239	Dương Quang	Sang	06/7/1997	Thừa Thiên Huế	16C2	6.7	C	4.8	D	6.2	C	1.67	Không đạt	
52	161250413242	Phù Trung	Thạch	20/10/1998	Quảng Ngãi	16C2	4.8	D	6.1	C	5.9	C	1.67	Không đạt	
53	161250413243	Nguyễn Đức	Thái	25/6/1997	Quảng Nam	16C2	6.2	C	0.0	F	6.0	C	1.33	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
54	161250413245	Võ Văn	Thành	05/02/1998	Quảng Nam	16C2	8.1	B	6.6	C	2.0	F	1.67	Không đạt	
55	161250413247	Huỳnh Xuân	Tiên	10/6/1998	Quảng Nam	16C2	6.8	C	3.8	F	1.2	F	0.67	Không đạt	
56	161250413251	Võ Đức	Trọng	14/7/1998	Bình Định	16C2	6.2	C	3.8	F	5.6	C	1.33	Không đạt	
57	161250413252	Võ Như	Trọng	05/4/1998		16C2	2.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
58	161250413253	Huỳnh Thanh	Trung	20/01/1998		16C2	7.5	B	7.6	B	0.0	F	2.00	Không đạt	
59	161250413254	Võ Thành	Trung	27/4/1998	Quảng Nam	16C2	0.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
60	161250413257	Trần Thanh	Tùng	31/3/1997	Đà Nẵng	16C2	3.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
61	161250413258	Trần Văn	Tùng	26/6/1995		16C2	0.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
62	161250413261	Trần Hưng	Nguyên	10/3/1998	Kon Tum	16C2	4.3	D	6.1	C	5.7	C	1.67	Không đạt	
63	161250413262	Lương Thiếu	Lâm	04/10/1997		16C2	3.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
64	161250413264	Đoàn Đăng	Khoa	03/5/1998		16C2	3.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
65	161250413265	Trần Đức	Sơn	06/5/1998		16C2	3.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
66	161250413268	Bùi Ngô	Lành	20/7/1995		16C2	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
67	161250413301	Nguyễn Duy	Anh	03/10/1998		16C3	6.1	C	7.2	B	8.9	A	3.00	Khá	
68	161250413302	Nguyễn Man Quảng	Bình	22/5/1998		16C3	6.0	C	5.6	C	6.4	C	2.00	Trung bình	
69	161250413303	Trần Bá Nguyên	Chương	26/02/1998		16C3	2.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
70	161250413309	Bạch Ngọc	Hợp	01/6/1998		16C3	5.4	D	7.5	B	4.6	D	1.67	Không đạt	
71	161250413310	Bùi Mạnh	Hùng	05/12/1998		16C3	1.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
72	161250413313	Nguyễn Văn	Khải	20/8/1998		16C3	4.6	D					Thiếu điểm	Không đạt	
73	161250413320	Huỳnh Tấn	Lực	09/11/1998	Đắk Lắk	16C3	6.6	C	5.0	D	6.9	C	1.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
74	161250413321	Nguyễn Đình	Nam	11/4/1998	Quảng Nam	16C3	6.9	C	5.2	D			Thiếu điểm	Không đạt	
75	161250413322	Trương Vệ	Nam	06/9/1998		16C3	7.6	B	7.6	B	6.6	C	2.67	Khá	
76	161250413323	Bùi Quang	Ngọc	06/11/1998		16C3	7.0	B	6.8	C	6.7	C	2.33	Trung bình	
77	161250413324	Nguyễn Đăng	Nhuận	28/3/1998		16C3	5.8	C	5.9	C	2.2	F	1.33	Không đạt	
78	161250413327	Nguyễn Văn	Phúc	26/5/1997	Gia Lai	16C3	6.4	C	8.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
79	161250413329	Lê Tấn	Quân	17/01/1998		16C3	5.0	D	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
80	161250413333	Nguyễn Văn	Sĩ	20/11/1998	Quảng Nam	16C3	4.2	D	6.7	C	6.2	C	1.67	Không đạt	
81	161250413335	Lê Tuấn	Son		Quảng Ngãi	16C3	6.7	C	6.6	C	6.1	C	2.00	Trung bình	
82	161250413341	Đinh Ngọc	Thạch	02/9/1998		16C3	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
83	161250413344	Nguyễn Quang	Thiên	27/01/1998		16C3	3.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
84	161250413347	Phạm Văn	Thuận	13/12/1998		16C3	6.8	C	6.3	C	7.3	B	2.33	Trung bình	
85	161250413352	Phan Văn	Tú	04/01/1998		16C3	8.7	A					Thiếu điểm	Không đạt	
86	161250413353	Nguyễn Văn	Tuấn			16C3	7.2	B	6.9	C	7.0	B	2.67	Khá	
87	161250413354	Đỗ Văn	Tùng	02/01/1998		16C3	5.9	C	3.7	F	7.0	B	1.67	Không đạt	
88	161250413356	Hà Văn	Tường	10/10/1998		16C3	7.4	B	7.2	B	3.3	F	2.00	Không đạt	
89	161250413357	Trịnh Quang	Việt	10/12/1997	Quảng Nam	16C3	7.6	B	4.5	D			Thiếu điểm	Không đạt	
90	161250413360	Phạm	Vũ	10/10/1997	Quảng Nam	16C3	5.5	C	7.6	B			Thiếu điểm	Không đạt	
91	161250413361	Lê Quốc	Vương	16/9/1998		16C3	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
92	161250443101	Trần Minh	Đạt	23/10/1998		16CDT1	6.5	C	6.8	C	7.4	B	2.33	Trung bình	
93	161250443105	Vương Đình	Dũng	16/7/1998		16CDT1	3.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
94	161250443106	Hồ Văn	Duy	14/11/1997		16CDT1	6.7	C	4.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
95	161250443108	Trần Nhật	Hải	23/6/1998		16CDT1	4.9	D					Thiếu điểm	Không đạt	
96	161250443109	Vũ Đình	Hải	14/01/1998		16CDT1	6.4	C	6.9	C	7.6	B	2.33	Trung bình	
97	161250443110	Nguyễn Trung	Hiếu	10/9/1998		16CDT1	7.7	B			7.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
98	161250443113	Phan Tấn	Lợi	29/3/1998		16CDT1	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
99	161250443114	Huỳnh Ngọc	Long	16/11/1998		16CDT1	6.6	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
100	161250443120	Đỗ Văn	Phát	13/8/1998		16CDT1	6.9	C	7.7	B			Thiếu điểm	Không đạt	
101	161250443127	Huỳnh Viết	Thiện	06/6/1998		16CDT1	6.0	C	2.1	F			Thiếu điểm	Không đạt	
102	161250443129	Nguyễn Phước	Tín	03/01/1998		16CDT1	3.2	F	5.5	C	5.6	C	1.33	Không đạt	
103	161250443134	Trần Phước	Trọng	13/4/1998		16CDT1	7.5	B					Thiếu điểm	Không đạt	
104	161250443136	Hoàng	Tuấn	22/5/1996		16CDT1	6.7	C	3.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
105	161250443137	Trần Xuân	Tuấn	09/4/1998		16CDT1	6.3	C	6.0	C	8.5	A	2.67	Khá	
106	161250443141	Hồ Đoàn Anh	Vũ	25/10/1997		16CDT1	7.7	B	8.5	A	6.8	C	3.00	Khá	
107	161250443142	Lê Hoàng Mạnh	Vỹ	27/01/1994		16CDT1	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
108	161250443144	Phan Hoàng Duy	Bảo	21/5/1998		16CDT1	4.3	D					Thiếu điểm	Không đạt	
109	161250443146	Trần Văn	Bình	23/6/1997		16CDT1	5.2	D	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
110	161250443204	Trần Minh	Chiến	18/01/1998		16CDT2	7.3	B	5.5	C	6.0	C	2.33	Trung bình	
111	161250443205	Nguyễn Quốc	Đạt	08/02/1997		16CDT2	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
112	161250443206	Hồ Văn	Diên	13/3/1998		16CDT2	5.8	C	6.4	C	6.2	C	2.00	Trung bình	
113	161250443209	Thái Hồ Anh	Đức	05/01/1998	Gia Lai	16CDT2	4.4	D	0.0	F	1.2	F	0.33	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
114	161250443210	Võ Đức	Hào	05/01/1998		16CDT2	1.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
115	161250443211	Nguyễn	Hiệp	29/12/1998		16CDT2	6.2	C	7.3	B	7.8	B	2.67	Khá	
116	161250443212	Nguyễn Quốc	Huy	16/01/1997		16CDT2	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
117	161250443213	Đỗ Trần	Kha	21/10/1998	Đà Nẵng	16CDT2	7.4	B	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
118	161250443214	Thiều Việt	Khải	25/7/1998		16CDT2	5.5	C	7.6	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
119	161250443215	Trần Ngọc	Khánh	28/6/1997		16CDT2			7.3	B	6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
120	161250443218	Nguyễn Thanh	Lưu	05/01/1998		16CDT2	8.4	B	6.7	C	7.8	B	2.67	Khá	
121	161250443218	Nguyễn Thanh	Lưu	05/11/1998	Quảng Nam	16CDT2							Thiếu điểm	Không đạt	
122	161250443219	Nguyễn Phương	Nam	11/3/1998	Thái Bình	16CDT2	6.4	C	8.0	B	3.8	F	1.67	Không đạt	
123	161250443220	Nguyễn Văn	Nghĩa	27/7/1998		16CDT2	6.7	C	7.2	B			Thiếu điểm	Không đạt	
124	161250443221	Bùi Hữu Chí	Nhân	12/3/1998	Quảng Ngãi	16CDT2	4.5	D	4.6	D	6.3	C	1.33	Không đạt	
125	161250443222	Đinh Ngọc	Phát	08/02/1998		16CDT2			2.4	F			Thiếu điểm	Không đạt	
126	161250443225	Đặng Hữu	Tài	15/8/1998		16CDT2	6.2	C			1.2	F	Thiếu điểm	Không đạt	
127	161250443226	Hoàng	Thắng	02/7/1998	Gia Lai	16CDT2	6.0	C			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
128	161250443227	Nguyễn Văn	Thành	10/8/1997		16CDT2	6.1	C	5.3	D			Thiếu điểm	Không đạt	
129	161250443229	Châu Đức	Thịnh	03/9/1998		16CDT2	6.1	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
130	161250443231	Phan Đình	Trí	15/01/1998	Quảng Nam	16CDT2	6.1	C	5.8	C	4.9	D	1.67	Không đạt	
131	161250443232	Huỳnh	Triều	01/5/1998	Đà Nẵng	16CDT2	5.5	C	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
132	161250443234	Trần Hữu	Trọng	27/7/1998		16CDT2	6.6	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
133	161250443235	Đoàn Thành	Trung	17/7/1998		16CDT2	7.2	B	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
134	161250443237	Trần Anh	Tuấn	18/10/1998		16CDT2	6.1	C	6.6	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
135	161250443238	Đỗ Thanh	Tùng	14/7/1998	Quảng Nam	16CDT2	6.5	C	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
136	161250443246	Đinh Ánh	Dương	17/11/1998		16CDT2	4.9	D					Thiếu điểm	Không đạt	
137	161250443249	Ngô Tiến	Đạt	14/8/1996		16CDT2							Thiếu điểm	Không đạt	
138	161250443251	Nguyễn Quang	Vinh	22/12/1998	Quảng Nam	16CDT2			5.9	C	6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
139	161250513106	Nguyễn Văn	Đạt	02/01/1998	Quảng Nam	16D1	6.5	C	7.2	B	1.2	F	1.67	Không đạt	
140	161250513109	Lê	Duy	02/10/1998		16D1	8.4	B	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
141	161250513116	Võ Xuân	Hiếu		Quảng Bình	16D1	8.7	A	7.3	B	8.1	B	3.33	Giỏi	
142	161250513123	Bùi Thanh	Lâm	12/10/1998	Quảng Ngãi	16D1	7.4	B	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
143	161250513129	Võ Ý	Phi	14/8/1997	Quảng Ngãi	16D1	8.1	B	6.7	C	1.2	F	1.67	Không đạt	
144	161250513149	Nguyễn Sĩ Minh	Tuấn	06/5/1998		16D1	6.0	C	5.2	D	6.2	C	1.67	Không đạt	
145	161250513149	Nguyễn Sĩ Minh	Tuấn	05/6/1998	Quảng Trị	16D1							Thiếu điểm	Không đạt	
146	161250513150	Phạm Văn	Tuấn	24/8/1997	Quảng Nam	16D1	6.1	C	5.3	D	6.0	C	1.67	Không đạt	
147	161250513156	Trần Quốc	Việt	19/9/1995		16D1							Thiếu điểm	Không đạt	
148	161250513206	Nguyễn Võ	Đại	20/01/1998		16D1	6.6	C	6.8	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
149	161250513216	Đỗ	Kết	20/12/1998		16D1	8.7	A	7.2	B	1.2	F	2.33	Không đạt	
150	161250513225	Phan Văn	Nhàn	07/5/1997		16D1	6.8	C	7.2	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
151	161250513238	Trương Quang	Sơn	10/02/1998		16D1	7.5	B	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
152	161250513243	Đỗ Hữu	Thiệp	02/01/1998		16D1	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
153	161250513246	Hứa Minh	Thu	14/6/1992	Quảng Nam	16D1	6.2	C	6.9	C	4.2	D	1.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
154	161250513302	Bùi Văn	Bình	28/10/1998		16D1	5.6	C	0.0	F	0.8	F	0.67	Không đạt	
155	161250513311	Phạm	Đức	04/11/1998		16D1	5.8	C	4.0	D			Thiếu điểm	Không đạt	
156	161250513312	Lê Công	Dương	04/12/1998	Quảng Trị	16D1	5.5	C	6.6	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
157	161250513315	Nguyễn Nam	Hiếu	24/12/1997		16D2	7.9	B	7.6	B	6.2	C	2.67	Khá	
158	161250513325	Nguyễn Cao	Linh	06/01/1998		16D2	6.4	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
159	161250513332	Phạm Văn	Nghĩa	08/4/1998		16D2	6.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
160	161250513344	Phan Thanh	Trường	29/11/1998		16D2	5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
161	161250513350	Trần Đình	Vương	12/11/1998		16D2	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
162	161250513351	Trần Tấn	Ý	28/5/1998		16D2	6.9	C	6.9	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
163	161250513355	Võ Trương Hồng	Minh	25/3/1998		16D2	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
164	161250513402	Nguyễn Hữu Thế	Bảo	16/10/1998		16D2	4.7	D	4.0	D			Thiếu điểm	Không đạt	
165	161250513404	Trương Hữu	Đạt	23/01/1998	Quảng Trị	16D2	5.1	D	1.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
166	161250513406	Phan Quang	Hà	19/9/1998		16D2	5.9	C	4.8	D			Thiếu điểm	Không đạt	
167	161250513407	Lê Thanh	Hào	05/11/1997		16D2	6.1	C	1.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
168	161250513408	Huỳnh Đức	Hồ	04/5/1998		16D2	5.8	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
169	161250513411	Nguyễn Hoàng	Hưng	24/02/1998		16D2	6.5	C	0.4	F			Thiếu điểm	Không đạt	
170	161250513417	Đinh Văn	Linh	20/01/1997	Quảng Ngãi	16D2	5.3	D	6.7	C	0.0	F	1.00	Không đạt	
171	161250513425	Lê Văn	Nhật	08/11/1998		16D2	6.5	C	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
172	161250513431	Lê Minh	Phước	06/02/1998		16D2	6.4	C	6.6	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
173	161250513432	Nguyễn Ngọc	Quy	07/8/1997	Đà Nẵng	16D2	6.7	C	0.0	F	8.3	B	1.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
174	161250513433	Hoàng Tắt	Quý	10/7/1997		16D2	4.6	D	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
175	161250513434	Trần Quốc	Rạng	17/4/1997		16D2	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
176	161250513435	Đặng Văn	Sáng	10/01/1997		16D2	7.5	B					Thiếu điểm	Không đạt	
177	161250513437	Lê Thế	Tam	22/01/1997	Quảng Trị	16D2	6.6	C	4.8	D	6.7	C	1.67	Không đạt	
178	161250513442	Nguyễn Việt	Thập	25/12/1998	Quảng Trị	16D2	5.4	D	6.3	C	5.9	C	1.67	Không đạt	
179	161250513445	Nguyễn Nam	Trung	24/12/1997		16D2	7.4	B	6.9	C	5.8	C	2.33	Trung bình	
180	161250513447	Phạm Anh	Tú	26/9/1997	Quảng Ngãi	16D2	8.6	A	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
181	161250513448	Đặng Minh	Tuấn	18/02/1998		16D2	6.5	C	5.2	D	6.2	C	1.67	Không đạt	
182	161250513450	Trần Ngọc	Vĩnh	05/12/1998		16D2	6.7	C	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
183	161250513454	Nguyễn Xuân	Lâm	28/02/1998		16D2	6.5	C	5.7	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
184	161250513102	Lê Đức	Anh	18/8/1996		16D3	7.7	B	5.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
185	161250513105	Trần Hữu	Cương	27/12/1998		16D3	5.2	D	7.5	B	7.8	B	2.33	Trung bình	
186	161250513118	Huỳnh Quang	Hùng	27/10/1998		16D3	1.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
187	161250513122	Nguyễn Anh	Kiệt	04/5/1997		16D3	6.7	C	8.9	A	8.0	B	3.00	Khá	
188	161250513130	Lê Hồng	Phong	22/3/1998		16D3	6.4	C	6.8	C	7.6	B	2.33	Trung bình	
189	161250513134	Trần Quang Hải	Son	02/4/1998		16D3	6.0	C	6.0	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
190	161250513135	Lê Phước	Tấn	17/02/1998		16D3	8.6	A	6.4	C	7.6	B	3.00	Khá	
191	161250513137	Trần Phước	Thiện	31/7/1998		16D3	7.3	B	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
192	161250513142	Trần Hoàng	Tiến	28/5/1998		16D3	6.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
193	161250513144	Nguyễn Tấn	Trọng	01/01/1997		16D3	8.6	A	7.1	B	7.2	B	3.33	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
194	161250513203	Trần Đình Ban	10/02/1996		16D3	7.0	B	5.1	D	7.4	B	2.33	Trung bình	
195	161250513208	Hồ Ngọc Duy	03/5/1998		16D3	7.2	B	7.5	B	7.6	B	3.00	Khá	
196	161250513212	Phan Xuân Hoàng	23/6/1998		16D3	6.3	C	5.9	C	7.6	B	2.33	Trung bình	
197	161250513214	Đoàn Nhật Huy	01/10/1998		16D3	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
198	161250513215	Nguyễn Khánh Huy	27/3/1998		16D3	6.0	C	5.5	C	8.6	A	2.67	Khá	
199	161250513218	Nguyễn Phi Khanh	19/10/1995		16D3	6.1	C	5.2	D	1.2	F	1.00	Không đạt	
200	161250513220	Phan Công Lộc	30/01/1997		16D3	5.7	C	6.5	C	1.2	F	1.33	Không đạt	
201	161250513224	Nguyễn Hồng Minh	30/8/1998		16D3	7.2	B	7.1	B	6.7	C	2.67	Khá	
202	161250513227	Mạc Tấn Phong	30/01/1998		16D3	5.9	C	6.5	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
203	161250513228	Nguyễn Trung Phong	11/9/1995		16D3	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
204	161250513229	Võ Thành Phương	17/9/1997		16D3	2.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
205	161250513237	Đinh Trọng Sơn	14/10/1998		16D3	6.9	C	6.2	C	8.0	B	2.33	Trung bình	
206	161250513239	Mai Phước Tài	03/6/1998		16D3	1.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
207	161250513240	Nguyễn Đình Tâm	04/02/1998		16D3	5.7	C	5.6	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
208	161250513242	Nguyễn Quang Hoài Thanh	14/5/1998		16D3	7.2	B	6.9	C	8.2	B	2.67	Khá	
209	161250513244	Phạm Phú Thịnh	01/11/1998		16D3	5.7	C	5.6	C	4.9	D	1.67	Không đạt	
210	161250513245	Phan Minh Thông	28/01/1998		16D3	5.6	C	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
211	161250513249	Trương Anh Tú	10/10/1998		16D3	5.8	C	2.4	F			Thiếu điểm	Không đạt	
212	161250513250	Đặng Quang Tuấn	06/3/1998		16D3			4.7	D	1.2	F	Thiếu điểm	Không đạt	
213	161250513251	Trần Công Văn	22/8/1998		16D3	7.6	B	5.9	C	7.5	B	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
214	161250513253	Lê Đình	Thắng	20/9/1998		16D3							Thiếu điểm	Không đạt	
215	161250513254	Phan Lê Thanh	Vũ	20/7/1998		16D3	5.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
216	161250513255	Đình Văn	Lập	03/5/1998		16D3	7.0	B	6.9	C	7.8	B	2.67	Khá	
217	161250513304	Nguyễn Văn	Cơ	24/4/1998		16D3	0.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
218	161250513307	Nguyễn Phúc	Đạt	02/12/1998		16D3	1.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
219	161250513309	Trần Văn	Đông	17/02/1998		16D3	7.1	B	6.7	C	7.0	B	2.67	Khá	
220	161250513310	Trần Hữu	Đồng	25/02/1998		16D3	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
221	161250513314	Nguyễn Khánh	Hải	11/6/1998		16D3	5.1	D	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
222	161250513316	Phạm Văn	Hoàng	25/12/1998		16D3	7.6	B	6.6	C	5.7	C	2.33	Trung bình	
223	161250513317	Châu Ngọc	Hùng	17/6/1998		16D3	7.2	B	7.3	B	8.6	A	3.33	Giỏi	
224	161250513319	Lê Minh	Hung	24/3/1998		16D3	6.0	C	6.4	C	8.0	B	2.33	Trung bình	
225	161250513321	Nguyễn Đức	Huy	23/3/1998		16D3	6.2	C	6.3	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
226	161250513322	Trần Viết Gia	Khanh	22/8/1997		16D3	5.9	C	8.5	A	7.7	B	3.00	Khá	
227	161250513326	Nguyễn Đình	Mãi	10/11/1998		16D3	6.7	C	8.4	B	6.7	C	2.33	Trung bình	
228	161250513327	Nguyễn Quang	Minh	03/10/1998		16D3	5.5	C	6.0	C	8.1	B	2.33	Trung bình	
229	161250513333	Phan Ngọc	Nghĩa	23/5/1998		16D3	7.9	B	7.3	B	7.6	B	3.00	Khá	
230	161250513334	Mạc Phú	Quốc	14/01/1998		16D3	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
231	161250513335	Lê Văn	Quý	10/10/1998		16D3	6.0	C	6.0	C	7.5	B	2.33	Trung bình	
232	161250513340	Trần Văn	Thành	09/8/1998		16D3	2.5	F	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
233	161250513341	Thái Cảnh	Thiện	20/7/1993		16D3	5.4	D	7.8	B	6.1	C	2.00	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
234	161250513346	Võ Hoàng Trọng Văn	11/01/1998		16D3	7.2	B	7.2	B	7.2	B	3.00	Khá	
235	161250513347	Nguyễn Trường Viên	23/4/1998		16D3	6.1	C	6.2	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
236	161250513348	Nguyễn Ngọc Vũ	01/5/1998		16D3	4.0	D	6.0	C	0.8	F	1.00	Không đạt	
237	161250513349	Nguyễn Văn Vũ	04/5/1998		16D3	8.0	B	6.4	C	6.4	C	2.33	Trung bình	
238	161250513353	Nguyễn Lương Cường	02/3/1998		16D3	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
239	161250513403	Trần Công Cường	03/01/1998		16D3	6.5	C	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
240	161250513405	Võ Trường Giang	06/4/1998		16D3	7.3	B	6.7	C	7.3	B	2.67	Khá	
241	161250513410	Hồ Văn Hoàng	15/11/1998		16D3	6.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
242	161250513412	Dương Quang Huy	30/4/1998		16D3	4.8	D	5.0	D	6.4	C	1.33	Không đạt	
243	161250513413	Nguyễn Gia Huỳnh	20/6/1998		16D3	6.4	C	7.9	B	6.9	C	2.33	Trung bình	
244	161250513415	Võ Thanh Lâm	04/11/1998		16D3	6.5	C	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
245	161250513419	Lê Xuân Lộc	12/7/1996		16D3	7.9	B	7.6	B	7.1	B	3.00	Khá	
246	161250513423	Huỳnh Thái Nhân	29/5/1996		16D3	7.1	B	6.8	C	7.3	B	2.67	Khá	
247	161250513424	Hồ Đăng Nhật	06/01/1998		16D3	7.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
248	161250513427	Dương Hoài Phong	12/02/1998		16D3	4.5	D	6.5	C	7.3	B	2.00	Trung bình	
249	161250513428	Nguyễn Văn Phúc	07/02/1998		16D3	7.3	B	4.5	D	0.0	F	1.33	Không đạt	
250	161250513439	Bùi Quốc Thắng	02/9/1998		16D3	1.3	F	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
251	161250513441	Trương Văn Thảo	31/8/1998		16D3	6.6	C	5.5	C	7.0	B	2.33	Trung bình	
252	161250513444	Trương Quang Thịnh	17/02/1998		16D3	7.3	B	5.7	C	3.8	F	1.67	Không đạt	
253	161250513452	Trần Ngọc Bảo	25/9/1997		16D3	5.6	C	7.2	B	5.5	C	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
254	161250513103	Lê Quang	Anh	19/3/1996		16D4	4.8	D	6.4	C	3.9	F	1.00	Không đạt	
255	161250513108	Nguyễn Chánh	Dũng	09/6/1998		16D4	5.7	C			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
256	161250513114	Lê Văn	Hiển	21/6/1997		16D4	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
257	161250513115	Lê Văn	Hiếu	06/6/1997	Quảng Trị	16D4	7.0	B	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
258	161250513121	Nguyễn Hữu	Khoa	06/8/1998		16D4	7.7	B	3.9	F	1.2	F	1.00	Không đạt	
259	161250513126	Lê Công	Lực	20/8/1998		16D4	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
260	161250513133	Phạm Minh	Quang	19/01/1998	Đà Nẵng	16D4	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
261	161250513140	Võ Văn	Tiên	13/4/1998		16D4	6.8	C	6.5	C	3.5	F	1.33	Không đạt	
262	161250513147	Võ Hữu	Trung	02/3/1998	Đà Nẵng	16D4	5.9	C			4.4	D	Thiếu điểm	Không đạt	
263	161250513247	Phạm Văn	Triều	18/3/1998		16D4	6.3	C	7.5	B	6.7	C	2.33	Trung bình	
264	161250513305	Ngô Văn	Danh	06/9/1998		16D4	3.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
265	161250513328	Nguyễn Văn	Minh	22/7/1998		16D4	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
266	161250513337	Lê Thanh	Sơn	03/6/1998		16D4	7.3	B	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
267	161250513339	Huỳnh Anh	Thái	30/01/1995		16D4	4.5	D					Thiếu điểm	Không đạt	
268	161250513345	Lê Viết	Tú	28/6/1998		16D4	0.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
269	161250513421	Lê Ngọc	Nam	17/3/1998		16D4	5.5	C	4.6	D	5.2	D	1.33	Không đạt	
270	161250513429	Trần Đình	Phúc	18/3/1998		16D4	0.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
271	161250513436	Huỳnh Tấn	Sĩ	19/12/1996		16D4			5.5	C	0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
272	161250513503	Trần Đức	Đông	06/4/1998		16D5	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
273	161250513504	Nguyễn Văn	Đức	09/10/1998		16D5	5.7	C	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
274	161250513505	Tô Trường	Hải	20/11/1997	Thừa Thiên Huế	16D5	5.5	C	2.7	F	6.1	C	1.33	Không đạt	
275	161250513515	Hoàng Duy	Lượng	07/4/1997		16D5	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
276	161250513520	Nguyễn Phi	Pha	20/8/1997		16D5	5.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
277	161250513521	Đào Đăng	Phú	28/01/1997		16D5							Thiếu điểm	Không đạt	
278	161250513524	Nguyễn Tấn	Sang	15/01/1998	Đà Nẵng	16D5	7.2	B	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
279	161250513527	Võ Tấn	Tân	05/9/1998		16D5	7.5	B	6.5	C	7.4	B	2.67	Khá	
280	161250513534	Dương Quang	Trường	02/6/1998		16D5	7.2	B	5.7	C	0.0	F	1.67	Không đạt	
281	161250513536	Trần Hữu Anh	Tuấn	26/8/1998	Đà Nẵng	16D5	6.8	C	5.3	D	6.6	C	1.67	Không đạt	
282	161250513537	Lê Quốc	Việt	17/8/1998	Quảng Nam	16D5	5.6	C	2.1	F	1.2	F	0.67	Không đạt	
283	161250423101	Nguyễn Văn	An	03/4/1997		16DL1	8.7	A	8.7	A			Thiếu điểm	Không đạt	
284	161250423102	Bùi Đình	Chinh	25/8/1998		16DL1	6.2	C			7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
285	161250423103	Dương Minh	Cường	25/3/1998		16DL1	7.5	B	7.1	B	8.6	A	3.33	Giỏi	
286	161250423104	Trần Quốc	Cường	03/11/1998		16DL1	7.4	B	7.0	B	6.0	C	2.67	Khá	
287	161250423106	Hồ Phát	Đạt	28/11/1998		16DL1	5.7	C	6.8	C	7.3	B	2.33	Trung bình	
288	161250423107	Vũ Xuân	Đạt	04/4/1998		16DL1	6.5	C	6.4	C	8.2	B	2.33	Trung bình	
289	161250423108	Hoàng Công	Đức	13/02/1997		16DL1	5.9	C	1.7	F			Thiếu điểm	Không đạt	
290	161250423109	Phạm Minh	Đức	14/6/1998		16DL1	5.5	C	7.1	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
291	161250423110	Tô Văn	Đức	23/01/1998		16DL1	7.7	B	8.9	A	7.4	B	3.33	Giỏi	
292	161250423111	Lê Đức	Duy	13/5/1998		16DL1	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
293	161250423112	Hoàng Công	Giang	19/12/1998		16DL1	5.7	C	6.1	C	7.9	B	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
294	161250423113	Đặng Việt	Hà	26/01/1998		16DL1	9.3	A	8.8	A	5.9	C	3.33	Giỏi	
295	161250423114	Hồ Thanh	Hải	31/10/1998		16DL1	6.2	C	6.0	C	7.6	B	2.33	Trung bình	
296	161250423115	Tô Trường	Hân	28/6/1998		16DL1	6.0	C	6.1	C	7.8	B	2.33	Trung bình	
297	161250423116	Nguyễn Châu	Hạt	01/9/1998		16DL1	7.7	B	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
298	161250423117	Nguyễn Minh	Hậu	11/10/1998		16DL1	8.7	A	5.8	C	6.6	C	2.67	Khá	
299	161250423118	Trần Trung	Hậu	29/11/1998		16DL1	7.4	B	7.2	B	7.9	B	3.00	Khá	
300	161250423119	Nguyễn Công	Hiếu	20/3/1998		16DL1	6.7	C	5.5	C	8.3	B	2.33	Trung bình	
301	161250423120	Nguyễn Nam	Hồng	26/02/1997		16DL1	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
302	161250423121	Châu Thanh	Hùng	07/12/1998		16DL1	5.5	C	7.1	B	1.8	F	1.67	Không đạt	
303	161250423122	Lê Đức Dương	Hung	12/02/1998		16DL1	7.2	B	6.0	C	8.7	A	3.00	Khá	
304	161250423123	Nguyễn Ngọc	Huy	10/01/1998		16DL1	6.0	C	5.0	D	1.8	F	1.00	Không đạt	
305	161250423124	Nguyễn Xuân	Huy	04/01/1998		16DL1	6.9	C	4.6	D	7.0	B	2.00	Trung bình	
306	161250423125	Trịnh Quang	Huy	19/12/1998		16DL1	7.4	B	7.8	B	4.8	D	2.33	Trung bình	
307	161250423126	Trịnh Gia	Huỳnh	04/01/1998		16DL1	4.8	D					Thiếu điểm	Không đạt	
308	161250423127	Nguyễn Văn	Khải	11/10/1998		16DL1	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
309	161250423128	Lê Hiếu	Khuê	30/7/1998		16DL1	4.5	D			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
310	161250423129	Doãn Bá	Kỳ	26/10/1998		16DL1	6.9	C	7.5	B	9.0	A	3.00	Khá	
311	161250423130	Nguyễn Tùng	Lâm	14/11/1998		16DL1	6.9	C			3.1	F	Thiếu điểm	Không đạt	
312	161250423131	Đinh Thanh	Liêm	17/6/1998		16DL1	7.2	B	7.6	B	8.9	A	3.33	Giỏi	
313	161250423132	Nguyễn Văn	Linh	28/4/1998		16DL1	6.0	C	5.6	C	5.2	D	1.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
314	161250423133	Lê Bình	Minh	17/02/1998		16DL1	8.8	A	5.2	D	8.1	B	2.67	Khá	
315	161250423134	Phạm Văn	Minh	10/12/1998		16DL1	7.5	B					Thiếu điểm	Không đạt	
316	161250423135	Nguyễn Duy	Nam	04/6/1998		16DL1	7.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
317	161250423136	Phan Minh	Nam	02/10/1998		16DL1	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
318	161250423137	Nguyễn Thanh	Ngân	10/10/1998		16DL1	8.1	B	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
319	161250423138	Võ Văn	Nghĩa	07/7/1997		16DL1	8.5	A	7.6	B	8.1	B	3.33	Giỏi	
320	161250423139	Phạm Phú	Nguyên	10/01/1998		16DL1	7.6	B	8.0	B	7.0	B	3.00	Khá	
321	161250423140	Đặng Duy	Nhất	21/02/1998		16DL1	7.2	B	8.1	B	7.5	B	3.00	Khá	
322	161250423141	Hồ Sỹ	Phong	18/3/1998		16DL1	6.8	C	4.6	D	0.0	F	1.00	Không đạt	
323	161250423142	Nguyễn Văn	Phong	18/3/1998		16DL1	7.1	B	5.2	D	7.0	B	2.33	Trung bình	
324	161250423143	Hoàng	Phú	26/6/1998		16DL1	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
325	161250423144	Nguyễn Minh	Quang	16/7/1998		16DL1	7.1	B	5.3	D	3.1	F	1.33	Không đạt	
326	161250423145	Nguyễn Văn	Sơn	06/8/1998		16DL1	7.0	B	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
327	161250423146	Hồ Tấn	Tài	26/7/1997		16DL1	5.3	D	5.5	C	5.5	C	1.67	Không đạt	
328	161250423147	Nguyễn Văn	Thanh	03/5/1998		16DL1	1.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	
329	161250423148	Nguyễn Văn Chí	Thành	21/01/1998		16DL1	8.1	B	8.5	A	7.5	B	3.33	Giỏi	
330	161250423149	Thiều Viết	Thành	07/9/1998		16DL1	0.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
331	161250423150	Võ Văn	Thiên	20/9/1998		16DL1	9.2	A	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
332	161250423151	Trương Công	Thiện	28/6/1997		16DL1	2.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
333	161250423152	Lê Thị Anh	Thư	05/9/1998		16DL1	7.2	B	6.1	C	7.1	B	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
334	161250423153	Nguyễn Minh Toàn	06/10/1998		16DL1	5.6	C	7.0	B	6.9	C	2.33	Trung bình	
335	161250423154	Nguyễn Ngô Thanh Trí	08/12/1998		16DL1	4.4	D					Thiếu điểm	Không đạt	
336	161250423156	Nguyễn Hữu Nhất Trung	24/3/1997		16DL1	2.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
337	161250423157	Nguyễn Xuân Trung	03/10/1997		16DL1	5.1	D	5.8	C	6.6	C	1.67	Không đạt	
338	161250423161	Nguyễn Văn Tùng	02/02/1998		16DL1	6.7	C	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
339	161250423162	Nguyễn Thế Văn	03/10/1998		16DL1	4.5	D					Thiếu điểm	Không đạt	
340	161250423163	Bùi Vĩ	03/3/1998		16DL1	5.7	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
341	161250423164	Võ Thanh Vũ	20/02/1998		16DL1	3.6	F	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
342	161250423165	Nguyễn Trọng Vỹ	08/4/1998		16DL1	4.9	D	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
343	161250423166	Ngô Đức Xuân	13/02/1998		16DL1	7.4	B	6.4	C	5.7	C	2.33	Trung bình	
344	161250423167	Trần Như Ý	20/11/1998		16DL1	6.4	C	8.4	B	5.8	C	2.33	Trung bình	
345	161250423168	Trần Thanh Quý	01/01/1998		16DL1	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
346	161250423169	Từ Minh Phương	28/9/1997		16DL1			6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
347	161250423202	Trần Quốc Bảo	23/11/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
348	161250423203	Quách Thái Can	13/02/1998	Khánh Hòa	16DL2	7.9	B			7.8	B	Thiếu điểm	Không đạt	
349	161250423204	Lê Văn Chiến	22/4/1998		16DL2	7.0	B	7.6	B	8.3	B	3.00	Khá	
350	161250423205	Lê Văn Chính	29/01/1998		16DL2	0.0	F	5.8	C	0.0	F	0.67	Không đạt	
351	161250423206	Trần Văn Danh	08/8/1998		16DL2	8.4	B	5.1	D	5.6	C	2.00	Trung bình	
352	161250423207	Đoàn Dương Quốc Đạt	29/8/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
353	161250423208	Nguyễn Phước Đạt	15/7/1997		16DL2	5.1	D	2.3	F			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
354	161250423211	Đinh Tấn	Đức	13/9/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
355	161250423212	Lê Văn	Đức	31/12/1998		16DL2	4.8	D	5.6	C	6.0	C	1.67	Không đạt	
356	161250423213	Võ Văn	Dũng	17/10/1998		16DL2	7.6	B	7.6	B	7.3	B	3.00	Khá	
357	161250423216	Trần Quốc	Hiền	17/4/1998		16DL2	8.8	A	8.7	A	3.7	F	2.67	Không đạt	
358	161250423217	Phan Văn	Hiệp	20/9/1998	Gia Lai	16DL2	5.7	C	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
359	161250423218	Cao Thanh	Hiếu	26/12/1998		16DL2	6.4	C	7.5	B	5.6	C	2.33	Trung bình	
360	161250423220	Đỗ Duy	Hòa	16/8/1997		16DL2	6.1	C	6.4	C	6.0	C	2.00	Trung bình	
361	161250423223	Phan Đăng	Hoàng	17/4/1998		16DL2	5.4	D	6.8	C	5.6	C	1.67	Không đạt	
362	161250423224	Lê Mậu	Hùng	22/3/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
363	161250423225	Nguyễn Phi	Hùng	10/10/1998		16DL2	5.7	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
364	161250423226	Trần Vũ	Hùng	04/3/1997		16DL2	7.8	B	6.0	C	6.9	C	2.33	Trung bình	
365	161250423227	Cao Xuân	Khánh	17/10/1998		16DL2	8.1	B	9.6	A	6.7	C	3.00	Khá	
366	161250423228	Lê Xuân	Khánh	25/10/1998		16DL2	4.7	D	5.1	D	7.5	B	1.67	Không đạt	
367	161250423229	Nguyễn	Lập	24/5/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
368	161250423232	Lê Trung	Mẫn	01/11/1998		16DL2	6.5	C	6.7	C	8.6	A	2.67	Khá	
369	161250423233	Trần Thiện	Mẫn	01/8/1998		16DL2	5.8	C	1.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
370	161250423235	Huỳnh Công	Minh	01/02/1998		16DL2	6.4	C	8.1	B	8.0	B	2.67	Khá	
371	161250423237	Trương Nhật	Minh	07/11/1998		16DL2	7.4	B	8.2	B	6.6	C	2.67	Khá	
372	161250423239	Lê Trần Hoài	Nam	24/01/1998	Quảng Nam	16DL2	6.0	C	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
373	161250423243	Nguyễn Văn	Quân	16/10/1998		16DL2	7.0	B	8.4	B	6.3	C	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
374	161250423246	Trương Văn Rạng	30/4/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
375	161250423247	Nguyễn Đình Sao	26/6/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
376	161250423249	Trần Quốc Tài	24/5/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
377	161250423251	Huỳnh Phước Thắng	18/7/1998		16DL2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
378	161250423254	Đặng Đình Thiện	22/12/1997		16DL2	5.9	C	7.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
379	161250423255	Lê Quốc Thiện	22/7/1998		16DL2	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
380	161250423259	Trương Thành Trung	09/4/1998		16DL2	6.9	C	6.2	C	6.7	C	2.00	Trung bình	
381	161250423260	La Đức Trường	20/10/1998		16DL2	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
382	161250423261	Đoàn Ngọc Tư	26/8/1997		16DL2	6.7	C	6.5	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
383	161250423262	Võ Quốc Tuấn	19/9/1998		16DL2	6.1	C			7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
384	161250423263	Nguyễn Quang Viên	01/02/1998	Quảng Ngãi	16DL2	8.4	B	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
385	161250423264	Trần Trung Vĩnh	03/01/1998		16DL2	5.9	C	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
386	161250423265	Lưu Quang Vũ	25/8/1998		16DL2	7.1	B	5.3	D			Thiếu điểm	Không đạt	
387	161250423266	Huỳnh Ngọc Vương	04/10/1998		16DL2	6.6	C	7.0	B	7.8	B	2.67	Khá	
388	161250423268	Phan Văn Yên	30/12/1998		16DL2	7.7	B	7.5	B	7.6	B	3.00	Khá	
389	161250423303	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	25/10/1998	Thanh Hóa	16DL3	6.6	C	5.9	C	4.7	D	1.67	Không đạt	
390	161250423307	Lê Tấn Đạt	04/10/1998	Quảng Ngãi	16DL3	4.9	D	5.7	C	5.1	D	1.33	Không đạt	
391	161250423311	Nguyễn Duy	15/11/1998		16DL3	5.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
392	161250423312	Trần Lê Ngọc Hải	11/12/1998		16DL3	5.3	D					Thiếu điểm	Không đạt	
393	161250423313	Hồ Đắc Hậu	28/5/1998		16DL3	6.4	C	8.3	B	6.8	C	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
394	161250423313	Hồ Đắc	Hậu	25/8/1998	Quảng Nam	16DL3							Thiếu điểm	Không đạt	
395	161250423314	Lưu Huỳnh	Hiếu	02/6/1998		16DL3	7.7	B					Thiếu điểm	Không đạt	
396	161250423316	Nguyễn Thanh	Hùng	23/3/1998	Quảng Nam	16DL3	6.0	C	7.3	B	3.5	F	1.67	Không đạt	
397	161250423317	Nguyễn Văn	Hung	19/9/1998		16DL3	6.7	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
398	161250423319	Trần Quang	Huy	29/12/1998	Quảng Trị	16DL3	4.5	D	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
399	161250423321	Phạm Đức	Khánh	22/12/1998		16DL3			6.0	C	5.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
400	161250423322	Đậu Sỹ	Kỳ	30/9/1997		16DL3	8.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
401	161250423323	Phạm	Lâm	19/8/1998		16DL3	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
402	161250423327	Nguyễn Hồ Đắc	Lộc	01/01/1998		16DL3			0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
403	161250423331	Lê Trương Ngọc	Minh	25/4/1998	Đắk Lắk	16DL3	3.4	F	5.1	D			Thiếu điểm	Không đạt	
404	161250423336	Nguyễn Lê Thanh	Nhân	29/9/1998		16DL3							Thiếu điểm	Không đạt	
405	161250423337	Trần Trung	Nhẫn	19/7/1998		16DL3	5.9	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
406	161250423338	Nguyễn Việt	Nhật	05/5/1998		16DL3	7.3	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
407	161250423339	Nguyễn Đình	Phi	16/4/1998		16DL3	5.2	D	5.6	C	2.3	F	1.00	Không đạt	
408	161250423347	Nguyễn Cao	Tài	15/5/1998		16DL3	2.5	F	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
409	161250423348	Nguyễn Minh	Tâm	15/11/1998		16DL3	5.6	C	7.5	B	7.6	B	2.67	Khá	
410	161250423360	Huỳnh Thanh	Tình	02/9/1998		16DL3	4.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
411	161250423362	Nguyễn Anh	Tuấn	15/11/1998		16DL3	4.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
412	161250423370	Nguyễn Phi	Long	16/02/1998		16DL3							Thiếu điểm	Không đạt	
413	161250423401	Lê Đăng	An	11/02/1998		16DL4	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
414	161250423403	Võ Hồng	Anh	04/02/1998		16DL4	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
415	161250423404	Lê Văn	Cảnh	25/4/1998	Quảng Ngãi	16DL4	6.6	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
416	161250423407	Đặng Hùng	Cường	09/7/1998		16DL4	7.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
417	161250423408	Vũ Thành	Đạt	30/12/1998		16DL4	6.2	C	4.7	D			Thiếu điểm	Không đạt	
418	161250423410	Lê Cảnh	Đức	11/5/1997		16DL4	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
419	161250423412	Hoàng Tiến	Dũng	02/5/1998		16DL4	7.5	B					Thiếu điểm	Không đạt	
420	161250423413	Nguyễn Đình Mạnh	Duy	13/10/1998		16DL4	6.0	C	5.5	C	6.0	C	2.00	Trung bình	
421	161250423414	Nguyễn Phước Huy	Hà	26/11/1998		16DL4	6.1	C					Thiếu điểm	Không đạt	
422	161250423415	Đỗ Văn	Hải	24/02/1998		16DL4	6.5	C	8.1	B	7.6	B	2.67	Khá	
423	161250423416	Võ Thanh	Hải	10/01/1998		16DL4	6.1	C	8.5	A	7.1	B	3.00	Khá	
424	161250423421	Ngô Hồ Văn	Hoàng	19/9/1998	Thừa Thiên Huế	16DL4	5.2	D	7.0	B	5.0	D	1.67	Không đạt	
425	161250423423	Nguyễn Viết	Hùng	10/8/1998		16DL4	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
426	161250423424	Lê Quốc	Hưng	19/9/1997		16DL4	5.2	D	2.1	F			Thiếu điểm	Không đạt	
427	161250423425	Nguyễn Văn Quốc	Huy	11/4/1998		16DL4	7.6	B	9.0	A			Thiếu điểm	Không đạt	
428	161250423426	Trần Duy	Khang	28/9/1998		16DL4	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
429	161250423428	Phạm Văn	Kiên	17/3/1997		16DL4	3.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
430	161250423429	Trần Trung	Kiên	16/5/1996		16DL4	3.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
431	161250423432	Nguyễn Thanh	Luân	03/4/1998		16DL4	5.4	D	5.1	D	5.6	C	1.33	Không đạt	
432	161250423433	Đỗ Tấn	Lực	30/4/1997		16DL4	4.4	D	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
433	161250423436	Nguyễn Phương	Nguyễn	28/01/1998		16DL4	4.2	D	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
434	161250423443	Huỳnh Mai	Phước	17/7/1997		16DL4	2.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
435	161250423444	Trương Minh	Phương	15/8/1998		16DL4	5.9	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
436	161250423446	Đặng Văn	Sơn	15/7/1998		16DL4	7.2	B	8.9	A			Thiếu điểm	Không đạt	
437	161250423447	Nguyễn Văn	Sơn	24/9/1997		16DL4	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
438	161250423449	Trần Văn	Tài	04/6/1998		16DL4	2.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
439	161250423451	Trịnh Lương	Thành	09/8/1996	Quảng Ngãi	16DL4	4.4	D	5.6	C	5.9	C	1.67	Không đạt	
440	161250423452	Lương Nhật Tuấn	Thi	16/01/1998		16DL4	7.3	B	1.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
441	161250423454	Trương Ngọc	Thuận	26/5/1998		16DL4	8.4	B	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
442	161250423455	Ngô Xuân	Triều	16/02/1998		16DL4	6.4	C	8.6	A	6.5	C	2.67	Khá	
443	161250423455	Ngô Xuân	Triều	16/01/1998	Quảng Nam	16DL4							Thiếu điểm	Không đạt	
444	161250423460	Nguyễn Tấn	Tuân	14/5/1998		16DL4	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
445	161250423461	Lê Anh	Tuân	24/02/1998		16DL4	5.8	C	4.7	D			Thiếu điểm	Không đạt	
446	161250423462	Nguyễn Minh	Tuân	27/4/1998		16DL4	8.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
447	161250423463	Trương Anh	Tuân	14/3/1998		16DL4	8.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
448	161250423465	Đinh Phạm	Tuyển	25/5/1998		16DL4	1.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
449	161250423467	Phan Quốc	Việt	22/7/1998		16DL4	6.1	C	5.5	C	7.0	B	2.33	Trung bình	
450	161250423468	Tô Văn	Vui	25/3/1997		16DL4	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
451	161250423501	Mai Tuấn	Anh	03/10/1998		16DL5	8.2	B	7.1	B	6.8	C	2.67	Khá	
452	161250423502	Võ Văn	Bình	11/01/1998		16DL5	8.2	B	8.0	B	8.5	A	3.33	Giỏi	
453	161250423503	Tổng Duy	Cao	22/3/1998		16DL5	8.4	B	7.6	B	7.3	B	3.00	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
454	161250423504	Nguyễn Quang	Chánh	12/01/1998		16DL5	9.3	A	8.5	A	8.0	B	3.67	Xuất sắc	
455	161250423505	Nguyễn Đăng	Cương	20/4/1998		16DL5	6.5	C	7.8	B			Thiếu điểm	Không đạt	
456	161250423506	Võ Quốc	Cường	21/9/1997		16DL5	7.0	B	5.7	C	6.4	C	2.33	Trung bình	
457	161250423507	Vũ Thành	Đạt	02/4/1997		16DL5	5.5	C	6.6	C	6.7	C	2.00	Trung bình	
458	161250423508	Đặng Tiến	Dũng	24/5/1998		16DL5	6.9	C	9.2	A	9.2	A	3.33	Giỏi	
459	161250423509	Nguyễn Công	Dương	10/01/1998		16DL5	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
460	161250423510	Nguyễn Tùng	Dương	10/11/1998		16DL5	7.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
461	161250423512	Võ	Giang	28/12/1998		16DL5	8.1	B	7.3	B	6.8	C	2.67	Khá	
462	161250423513	Võ Đăng	Hà	01/10/1998		16DL5	6.9	C	7.1	B	6.4	C	2.33	Trung bình	
463	161250423514	Đỗ Thiên	Hải	21/6/1998		16DL5	7.4	B	4.5	D			Thiếu điểm	Không đạt	
464	161250423515	Lê Hữu	Hải	24/8/1997		16DL5							Thiếu điểm	Không đạt	
465	161250423516	Phan Hồng	Hậu	13/6/1998		16DL5	9.1	A	6.6	C	7.9	B	3.00	Khá	
466	161250423517	Phan Nguyễn Văn	Hậu	12/12/1998		16DL5	5.6	C	5.9	C	8.3	B	2.33	Trung bình	
467	161250423518	Lê Quý	Hiền	13/7/1998		16DL5			7.1	B	5.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
468	161250423519	Lê Ngọc	Hiếu	06/9/1998		16DL5	5.6	C	1.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
469	161250423520	Nguyễn Văn	Hiếu	28/01/1998		16DL5	5.5	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
470	161250423521	Phạm Văn	Hòa	17/10/1998		16DL5	7.1	B	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
471	161250423522	Nguyễn Công	Hung	20/4/1998		16DL5	7.6	B	8.7	A	7.6	B	3.33	Giỏi	
472	161250423523	Phạm Tấn	Huy	18/02/1998		16DL5	6.2	C	8.4	B	7.8	B	2.67	Khá	
473	161250423524	Lê Văn	Khánh	25/12/1998		16DL5	8.1	B	6.2	C	6.9	C	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
474	161250423525	Huỳnh Văn	Khoa	01/02/1998		16DL5	7.2	B	7.9	B	6.5	C	2.67	Khá	
475	161250423526	Phạm Lê Thanh	Lâm	20/11/1998		16DL5	7.9	B	7.0	B	7.0	B	3.00	Khá	
476	161250423527	Nguyễn Văn	Lập	28/02/1997		16DL5	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
477	161250423528	Hồ Văn	Long	26/3/1998		16DL5	5.6	C	6.2	C	5.2	D	1.67	Không đạt	
478	161250423529	Trương Trịnh Minh	Luận	22/02/1998		16DL5	7.9	B	6.9	C	8.0	B	2.67	Khá	
479	161250423530	Phùng Tấn	Minh	30/4/1998		16DL5	7.6	B	6.8	C	7.9	B	2.67	Khá	
480	161250423531	Đặng Phương	Nam	18/02/1998		16DL5	6.3	C	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
481	161250423533	Mạc Trọng	Nghĩa	13/8/1998		16DL5	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
482	161250423534	Lê Văn	Nhân	01/5/1998		16DL5	7.2	B	7.7	B			Thiếu điểm	Không đạt	
483	161250423535	Nguyễn Nam	Nhi	14/9/1997		16DL5	4.0	D	6.8	C	6.1	C	1.67	Không đạt	
484	161250423536	Huỳnh Ngọc	Nhiên	16/5/1998		16DL5	5.2	D	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
485	161250423537	Đặng Văn	Quy	09/8/1997		16DL5	6.0	C	6.0	C	8.0	B	2.33	Trung bình	
486	161250423538	Phạm Công	Sang	29/10/1998		16DL5	6.7	C	7.4	B	6.0	C	2.33	Trung bình	
487	161250423539	Đinh	Sanh	12/01/1998		16DL5	5.2	D	6.8	C	6.6	C	1.67	Không đạt	
488	161250423541	Phan Thanh	Tân	15/5/1998		16DL5	2.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
489	161250423542	Bùi Quốc	Tây	20/9/1998		16DL5	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
490	161250423543	Trương Duy Kiều	Thạch	06/11/1998		16DL5	7.6	B	6.9	C	7.4	B	2.67	Khá	
491	161250423544	Võ Văn	Thanh	28/4/1998		16DL5	6.8	C	7.3	B	7.1	B	2.67	Khá	
492	161250423545	Cao Đức	Thành	19/10/1998		16DL5	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
493	161250423546	Lê Công	Thành	23/12/1997		16DL5	8.1	B	8.9	A	7.9	B	3.33	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
494	161250423547	Nguyễn Đức	Thành	13/3/1998		16DL5	5.3	D	5.3	D	7.3	B	1.67	Không đạt	
495	161250423549	Nguyễn Trường	Thọ	15/02/1998		16DL5	5.9	C	5.6	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
496	161250423550	Trần Văn	Thọ	07/7/1998		16DL5	5.2	D					Thiếu điểm	Không đạt	
497	161250423551	Nguyễn Lê	Thục	15/10/1998		16DL5	5.0	D	6.7	C	6.4	C	1.67	Không đạt	
498	161250423552	Nguyễn Văn	Thức	22/4/1998		16DL5	7.7	B	6.1	C	6.3	C	2.33	Trung bình	
499	161250423553	Trần Văn	Tiên	20/02/1997		16DL5	6.5	C	6.8	C	6.1	C	2.00	Trung bình	
500	161250423554	Nguyễn Văn	Tiến	06/6/1998		16DL5	7.7	B	8.9	A	7.4	B	3.33	Giỏi	
501	161250423555	Lê Văn	Tính	15/5/1998		16DL5	8.2	B	6.8	C	6.3	C	2.33	Trung bình	
502	161250423556	Nguyễn Phan	Trí	03/10/1998		16DL5	7.1	B	8.3	B	7.8	B	3.00	Khá	
503	161250423557	Phạm Khắc	Trọng	18/6/1998		16DL5	2.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
504	161250423558	Ngô Minh	Trường	20/7/1998		16DL5	5.9	C	7.5	B	6.7	C	2.33	Trung bình	
505	161250423559	Trần Viết	Tú	25/11/1998		16DL5	6.1	C					Thiếu điểm	Không đạt	
506	161250423560	Nguyễn Văn	Tuấn	30/4/1998		16DL5	7.4	B	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
507	161250423561	Phạm Công	Tuấn	28/01/1998		16DL5	5.2	D	6.9	C	6.8	C	1.67	Không đạt	
508	161250423562	Trào An	Tuấn	03/01/1998		16DL5	6.8	C	7.6	B	6.7	C	2.33	Trung bình	
509	161250423563	Võ Quốc	Việt	07/9/1998		16DL5	7.2	B	5.5	C	5.7	C	2.33	Trung bình	
510	161250423564	Cao Xuân	Vũ	20/01/1998		16DL5	7.0	B	6.0	C	7.5	B	2.67	Khá	
511	161250423565	Dương Tấn	Vũ	02/7/1998		16DL5	8.9	A	4.8	D	5.7	C	2.33	Trung bình	
512	161250423566	Nguyễn Hoàng	Vũ	27/11/1998		16DL5	8.7	A	7.9	B	7.7	B	3.33	Giỏi	
513	161250423567	Nguyễn Đức	Duy	15/11/1996		16DL5			2.6	F	0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
514	161250423569	Trần Duy	Hoàng	16/12/1997		16DL5							Thiếu điểm	Không đạt	
515	161250523101	Phạm Thị	Chi	05/02/1998		16DT1	4.8	D	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
516	161250523102	Nguyễn Văn	Chương	01/01/1998	Quảng Nam	16DT1	4.3	D	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
517	161250523105	Phạm Bảo	Duy	15/9/1998		16DT1	6.1	C					Thiếu điểm	Không đạt	
518	161250523106	Nguyễn Hữu	Hiền	30/10/1998	Quảng Nam	16DT1	6.3	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
519	161250523107	Huỳnh Tấn	Hùng	14/4/1995		16DT1							Thiếu điểm	Không đạt	
520	161250523110	Võ Tiến	Nhựt	19/9/1998		16DT1	4.2	D	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
521	161250523112	Nguyễn Đắc	Pin	19/02/1998	Thừa Thiên Huế	16DT1	7.5	B	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
522	161250523114	Đào Viết	Thanh	10/8/1997	Hà Tĩnh	16DT1	3.7	F	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
523	161250523116	Phạm	Thông	02/12/1998		16DT1	5.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
524	161250523118	Trần Công	Toại	01/8/1998		16DT1	5.4	D	7.2	B	0.8	F	1.33	Không đạt	
525	161250523120	Nguyễn Tiêu Lâm	Trường	20/3/1998	Đà Nẵng	16DT1	4.7	D	6.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
526	161250523121	Phạm Trung	Viêng	27/3/1997	Quảng Ngãi	16DT1	6.5	C	5.9	C	3.5	F	1.33	Không đạt	
527	161250523127	Nguyễn Văn	Nhất	07/3/1994		16DT1			5.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
528	161250713101	Nguyễn Thanh	Đông	03/11/1997		16H1	6.9	C	7.2	B	7.1	B	2.67	Khá	
529	161250713102	Nguyễn Nữ Lệ	Giang	14/9/1997		16H1	5.6	C	7.7	B	6.5	C	2.33	Trung bình	
530	161250713103	Nguyễn Thị Nguyên	Giang	11/02/1998		16H1	6.2	C	6.8	C	8.0	B	2.33	Trung bình	
531	161250713104	Trần Ánh	Minh	13/9/1998		16H1	5.8	C	3.7	F			Thiếu điểm	Không đạt	
532	161250713105	Đoàn Văn Hoài	Nguyên	08/11/1998		16H1	5.5	C	5.4	D	1.2	F	1.00	Không đạt	
533	161250713106	Nguyễn Văn	Nhật	14/3/1998		16H1	5.6	C	6.0	C	7.0	B	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
534	161250713107	Đinh Thị	Nhi	02/3/1998		16H1	8.0	B	9.7	A	8.9	A	3.67	Xuất sắc	
535	161250713108	Ngô Văn	Nhớ	09/9/1998		16H1	7.0	B	9.6	A	6.9	C	3.00	Khá	
536	161250713109	Nguyễn Văn	Phước	05/9/1998		16H1	5.7	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
537	161250713110	Nguyễn Thị Châu	Thu	19/6/1998		16H1	8.0	B	8.8	A	9.2	A	3.67	Xuất sắc	
538	161250713111	Ngô Văn	Thương	09/9/1998		16H1	7.2	B	9.6	A	7.8	B	3.33	Giỏi	
539	161250713112	Huỳnh Văn	Vũ	05/8/1998		16H1	5.5	C	6.7	C	5.7	C	2.00	Trung bình	
540	161250713113	Mai Thị Tường	Vy	10/01/1998		16H1	7.8	B	7.9	B	6.5	C	2.67	Khá	
541	161250713114	Lâm Cư	Toàn	13/8/1998		16H1	5.8	C	5.6	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
542	161250713115	Trương Văn	Tân	10/02/1998		16H1	7.5	B	7.7	B	7.8	B	3.00	Khá	
543	161250543101	Hoàng Trọng	An	21/12/1998		16HQ1	4.9	D					Thiếu điểm	Không đạt	
544	161250543102	Nguyễn Thanh	Bình	28/4/1998		16HQ1	6.6	C	0.0	F	6.3	C	1.33	Không đạt	
545	161250543103	Võ Như	Bình	15/3/1998		16HQ1	6.1	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
546	161250543104	Văn Phước	Chiến	28/6/1997		16HQ1	5.2	D	2.4	F	6.8	C	1.00	Không đạt	
547	161250543105	Đào Văn	Chiều	26/9/1998		16HQ1	8.2	B	7.7	B	7.5	B	3.00	Khá	
548	161250543108	Ngô Quang Quốc	Duy	13/3/1998		16HQ1	6.4	C	0.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
549	161250543109	Trương Hồng	Duy	25/10/1997		16HQ1	0.6	F	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
550	161250543110	Lê Phước	Hiếu	29/01/1997		16HQ1	8.0	B			4.9	D	Thiếu điểm	Không đạt	
551	161250543111	Phạm Thị Bích	Hòa	31/3/1998		16HQ1	7.7	B	7.6	B	6.8	C	2.67	Khá	
552	161250543113	Trương Thị Thu	Hoài	25/9/1998		16HQ1	5.9	C			0.8	F	Thiếu điểm	Không đạt	
553	161250543114	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	15/01/1998		16HQ1	8.0	B	8.0	B	7.6	B	3.00	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
554	161250543116	Phạm Nguyễn Hoàng Long	28/02/1998		16HQ1	4.3	D					Thiếu điểm	Không đạt	
555	161250543117	Lê Công Minh	18/9/1998		16HQ1	0.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
556	161250543119	Huỳnh Trung Sơn	10/10/1997		16HQ1	7.2	B	8.4	B	7.2	B	3.00	Khá	
557	161250543120	Hồ Thanh Tài	20/10/1998		16HQ1	6.6	C	7.2	B	7.7	B	2.67	Khá	
558	161250543121	Mai Mai Thanh	12/4/1998		16HQ1	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
559	161250543122	Phùng Thị Kim Thu	01/3/1998		16HQ1	8.3	B	6.5	C	7.8	B	2.67	Khá	
560	161250543123	Trần Văn Thuận	19/5/1998		16HQ1	3.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
561	161250543124	Ngô Thị Thương	21/4/1996		16HQ1	9.2	A	8.9	A			Thiếu điểm	Không đạt	
562	161250543125	Nguyễn Hà Tiệp	09/01/1998		16HQ1	2.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
563	161250543126	Nguyễn Thị Mai Trang	14/8/1996		16HQ1	4.7	D	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
564	161250543127	Trần Quang Trường	04/9/1998		16HQ1	5.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
565	161250543128	Nguyễn Văn Tuấn	05/01/1998		16HQ1	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
566	161250543129	Nguyễn Xuân Tụ	20/12/1996		16HQ1	6.9	C	7.5	B			Thiếu điểm	Không đạt	
567	161250543130	Đặng Công Quân	22/5/1997		16HQ1	5.6	C	6.8	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
568	161250543131	Nguyễn Duy Lâm	23/7/1997		16HQ1	6.3	C	8.4	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
569	161250543132	Huỳnh Trọng Nghĩa	23/10/1998		16HQ1	3.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
570	161250543133	Lê Quyết Toàn	25/01/1998		16HQ1	6.3	C	6.9	C	8.3	B	2.33	Trung bình	
571	161250543134	Hồ Viết Hoàn Thiện	04/11/1997		16HQ1	4.9	D	6.5	C	7.6	B	2.00	Trung bình	
572	161250543135	Huỳnh Tấn Vũ	06/4/1998		16HQ1	5.6	C	6.9	C	7.1	B	2.33	Trung bình	
573	161250543136	Đặng Lê Phương Bình	03/9/1997		16HQ1	3.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
574	161250543139	Phan Ngọc	Hùng	16/6/1997		16HQ1	6.5	C	6.4	C	7.0	B	2.33	Trung bình	
575	161250543141	Nguyễn Đức	Lưu	19/12/1996		16HQ1					0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
576	161250543142	Phan Vũ An	Khang	04/02/1998		16HQ1	5.6	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
577	161250543144	Nguyễn Đăng	Khoa	26/3/1997		16HQ1			9.0	A	6.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
578	161250733101	Phạm Ngọc	Ân	15/9/1996		16HTP1	6.7	C	5.6	C	7.4	B	2.33	Trung bình	
579	161250733103	Phạm Văn	Cường	23/9/1995	Thừa Thiên Huế	16HTP1	7.4	B	6.4	C	3.5	F	1.67	Không đạt	
580	161250733104	Bùi Trang	Đạt	12/12/1998		16HTP1	6.1	C	7.9	B	6.9	C	2.33	Trung bình	
581	161250733111	Nguyễn Thị Vân	Hương	03/11/1998		16HTP1	2.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
582	161250733120	Đỗ Thị Bích	Loan	21/5/1998		16HTP1	8.1	B	8.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
583	161250733129	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	14/8/1997		16HTP1	6.2	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
584	161250733131	Võ Thị Hồng	Nhi	19/6/1998		16HTP1	6.0	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
585	161250733133	Nguyễn Hồng	Phúc	04/11/1998	Quảng Ngãi	16HTP1	5.5	C	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
586	161250733137	Nguyễn Xuân	Quỳnh	03/01/1998	Quảng Nam	16HTP1	6.6	C	7.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
587	161250733138	Nguyễn Thị	Tâm	10/02/1998		16HTP1	8.9	A	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
588	161250733139	Trần Thị Kim	Tâm	21/4/1998		16HTP1	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
589	161250733141	Lê Thị Thu	Thảo	22/4/1998		16HTP1	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
590	161250733157	Nguyễn Thị Hiền	Lương	13/10/1997	Đà Nẵng	16HTP1	6.0	C					Thiếu điểm	Không đạt	
591	161250653101	Dương Văn	Bình	30/11/1997		16KT1	7.9	B	4.8	D	6.3	C	2.00	Trung bình	
592	161250653102	Đinh Văn	Cường	20/4/1998		16KT1	8.3	B	6.2	C	7.6	B	2.67	Khá	
593	161250653103	Vũ Thị	Dung	07/02/1998		16KT1	7.6	B	6.3	C	7.9	B	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
594	161250653104	Bùi Đức	Huy	15/9/1998		16KT1	8.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
595	161250653105	Phan Thị Thúy	Kiều	19/3/1998		16KT1	8.9	A	6.4	C	0.0	F	2.00	Không đạt	
596	161250653106	Tăng Thị Hà	Lan	08/02/1998		16KT1	8.6	A	8.4	B	7.1	B	3.33	Giỏi	
597	161250653107	Thái Anh	Sang	16/8/1998		16KT1	6.0	C	6.3	C	6.4	C	2.00	Trung bình	
598	161250653108	Ngô Quốc	Thắng	15/02/1998		16KT1	6.6	C	7.9	B	9.2	A	3.00	Khá	
599	161250653109	Huỳnh Xuân	Thảo	12/4/1998		16KT1	7.4	B	6.6	C	6.8	C	2.33	Trung bình	
600	161250653110	Nguyễn Minh	Tứ	05/9/1998		16KT1	6.8	C	5.6	C	7.8	B	2.33	Trung bình	
601	161250653111	Bùi Văn	Phương	02/12/1997		16KT1	6.0	C	5.2	D	6.5	C	1.67	Không đạt	
602	161250653112	Trịnh Ngọc	Mến	07/3/1993		16KT1	9.4	A	5.6	C	6.9	C	2.67	Khá	
603	161250723103	Trịnh Thị Sơn	Ca	15/11/1997		16MT1	5.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
604	161250723105	Huỳnh Nhật	Hào	15/6/1998	Đà Nẵng	16MT1	5.0	D	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
605	161250723108	Nguyễn Quang	Linh	03/11/1998	Đà Nẵng	16MT1	5.2	D	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
606	161250723118	Nguyễn Đức Huyền	Trần	26/10/1998	Đà Nẵng	16MT1	5.8	C			7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
607	161250723119	Võ Thị Hồng	Trinh	30/10/1998	Quảng Ngãi	16MT1	5.4	D					Thiếu điểm	Không đạt	
608	161250723120	Phạm Tiến	Minh	01/6/1995		16MT1	3.3	F	2.1	F			Thiếu điểm	Không đạt	
609	161250723121	Lê Thị Thu	Thúy	12/10/1997		16MT1	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
610	161250433101	Lê Phú	Bá	08/02/1997		16N1	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
611	161250433102	Huỳnh Thanh	Bằng	12/6/1998		16N1	6.5	C			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
612	161250433103	Nguyễn Thành	Bảo	07/7/1998		16N1	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
613	161250433104	Phan Thái	Bảo	23/10/1998		16N1	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
614	161250433105	Nguyễn Trọng Bình		21/6/1998	Quảng Trị	16N1	7.3	B	3.5	F	0.8	F	1.00	Không đạt	
615	161250433106	Đặng Xuân Cảnh		01/01/1998		16N1	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
616	161250433108	Phan Hải Dương		16/12/1998	Đà Nẵng	16N1	7.6	B			8.6	A	Thiếu điểm	Không đạt	
617	161250433109	Mai Văn Hải		17/02/1996		16N1	7.6	B	7.6	B	0.8	F	2.00	Không đạt	
618	161250433110	Trương Quý Hải		14/7/1998		16N1	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
619	161250433114	Hồ Ngọc Hào		05/02/1998		16N1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
620	161250433119	Trương Trọng Hiếu		09/10/1998		16N1	7.5	B	7.1	B	3.7	F	2.00	Không đạt	
621	161250433123	Lê Việt Hưng		22/5/1998	Đà Nẵng	16N1	7.3	B	4.8	D	0.8	F	1.33	Không đạt	
622	161250433124	Trương Hoàng Huy		24/10/1998		16N1	8.2	B	6.4	C	7.1	B	2.67	Khá	
623	161250433129	Phan Tấn Khoa		15/4/1998		16N1	8.4	B	6.8	C	7.0	B	2.67	Khá	
624	161250433129	Phan Tấn Khoa		15/6/1998	Quảng Nam	16N1							Thiếu điểm	Không đạt	
625	161250433131	Mai Văn Long		03/10/1996		16N1	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
626	161250433132	Trần Hữu Lý		18/01/1998		16N1	6.0	C					Thiếu điểm	Không đạt	
627	161250433136	Võ Văn Tài Nhân		02/9/1997	Quảng Nam	16N1	7.3	B	5.7	C	1.2	F	1.67	Không đạt	
628	161250433140	Nguyễn Hồng Sơn		29/4/1998		16N1	7.0	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
629	161250433141	Hoàng Văn Sự		01/01/1997		16N1	7.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
630	161250433142	Nguyễn Phi Sỹ		29/8/1997		16N1	7.9	B			2.5	F	Thiếu điểm	Không đạt	
631	161250433148	Nguyễn Văn Thảo		11/4/1998	Quảng Trị	16N1	8.2	B	4.8	D	1.2	F	1.33	Không đạt	
632	161250433151	Đặng Khánh Thọ		27/12/1998		16N1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
633	161250433153	Lê Lộc Toàn		28/3/1998		16N1	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
634	161250433155	Ngô Hữu	Tuấn	20/02/1998		16N1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
635	161250433156	Nguyễn Hoàng	Tuấn	08/3/1998	Quảng Nam	16N1	7.3	B	7.1	B	3.9	F	2.00	Không đạt	
636	161250433159	Nguyễn Duy	Vươn	02/01/1997	Đà Nẵng	16N1	7.6	B	6.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
637	161250433161	Trần Phú	Ý	13/8/1998		16N1	8.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
638	161250433162	Nguyễn Công	Yên	24/11/1998		16N1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
639	161250433163	Nguyễn Hữu	Tuấn	12/8/1995		16N1	7.6	B	6.0	C	7.3	B	2.67	Khá	
640	161250433164	Trương Hoàng	Vũ	31/10/1998	Đà Nẵng	16N1	7.3	B			7.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
641	161250433165	Lưu Nguyễn Đình	Quang	21/11/1998		16N1	7.0	B	1.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
642	161250433166	Nguyễn Văn	Hữu	02/3/1998		16N1	7.6	B	6.4	C	7.7	B	2.67	Khá	
643	161250433167	Vũ Duy	Phong	20/9/1997	Đà Nẵng	16N1	5.6	C	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
644	161250433169	Hoàng Xuân	Khải	14/12/1996		16N1			5.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
645	161250433205	Phan Huy	Bảo	10/12/1997	Bình Định	16N2			4.3	D			Thiếu điểm	Không đạt	
646	161250433206	Dương Văn	Châu	23/4/1996		16N2	7.8	B	6.6	C	6.6	C	2.33	Trung bình	
647	161250433210	Võ Quang	Cường	12/6/1998		16N2	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
648	161250433215	Nguyễn Văn	Hiệp	14/9/1998		16N2	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
649	161250433217	Trần Văn	Hiếu	04/11/1998	Quảng Trị	16N2	7.6	B	5.4	D	1.2	F	1.33	Không đạt	
650	161250433218	Nguyễn Tiến	Hùng	04/02/1998		16N2	7.6	B	5.8	C	2.4	F	1.67	Không đạt	
651	161250433222	Nguyễn Đoàn	Kin	24/01/1998		16N2	6.0	C	5.2	D	4.5	D	1.33	Không đạt	
652	161250433223	Hà Tri	Kỳ	19/02/1998		16N2	7.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
653	161250433229	Nguyễn Như Anh	Minh	17/6/1998		16N2	7.0	B	2.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
654	161250433231	Nguyễn Trang Thiện Nhân	21/9/1998		16N2	4.7	D			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
655	161250433233	Trương Hữu Nhơn	17/5/1998	Đà Nẵng	16N2	6.5	C	6.8	C	4.9	D	1.67	Không đạt	
656	161250433234	Nguyễn Phú Nhuận	19/8/1997		16N2	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
657	161250433236	Dương Xuân Quý	10/9/1998		16N2	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
658	161250433237	Nguyễn Văn Quý	15/02/1998		16N2	2.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
659	161250433238	Trương Phú Quý	30/6/1998	Quảng Nam	16N2	5.8	C	6.1	C	3.9	F	1.33	Không đạt	
660	161250433244	Lê Đức Thành	03/7/1998		16N2	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
661	161250433247	Hoàng Hữu Tiến	02/12/1998		16N2	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
662	161250433250	Nguyễn Trị	06/4/1998		16N2	7.7	B	7.3	B	0.0	F	2.00	Không đạt	
663	161250433254	Phạm Hồng Tuấn	20/4/1998		16N2	4.5	D					Thiếu điểm	Không đạt	
664	161250433255	Nguyễn Ngọc Tuấn	01/6/1998	Quảng Ngãi	16N2	3.0	F	6.0	C	6.8	C	1.33	Không đạt	
665	161250433259	Võ Như Vinh	18/7/1998		16N2	6.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
666	161250433260	Đinh Công Vĩnh	10/11/1998		16N2	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
667	161250433261	Trương Văn Vương	10/3/1998		16N2	6.5	C	8.2	B			Thiếu điểm	Không đạt	
668	161250433263	Lê Quang Khôi	02/9/1998	Quảng Trị	16N2	7.7	B					Thiếu điểm	Không đạt	
669	161250534101	Tạ Thị An	09/5/1997		16PNV01	8.0	B	6.6	C	6.6	C	2.33	Trung bình	
670	161250534102	Đỗ Thị Ngọc Anh	13/6/1998		16PNV01	8.3	B	6.5	C	7.6	B	2.67	Khá	
671	161250534103	Hồ Ngọc Anh	19/6/1998		16PNV01	7.9	B	6.6	C	7.1	B	2.67	Khá	
672	161250534104	Lữ Thị Tuyết Âu	07/02/1998		16PNV01	7.5	B	7.3	B	6.6	C	2.67	Khá	
673	161250534105	Nguyễn Hữu Cường	20/3/1998		16PNV01	8.2	B	7.1	B	6.6	C	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
674	161250534106	Nguyễn Thị Hồng Đào	10/8/1998		16PNV01	8.6	A	6.8	C	6.6	C	2.67	Khá	
675	161250534107	Ngô Thị Thanh Duyên	05/9/1997		16PNV01	7.6	B	7.6	B	6.6	C	2.67	Khá	
676	161250534108	Nguyễn Thị Hiền	24/12/1998		16PNV01	9.7	A	6.3	C	7.6	B	3.00	Khá	
677	161250534109	Nguyễn Thị Kiều	12/10/1998		16PNV01	9.1	A	6.2	C	6.6	C	2.67	Khá	
678	161250534110	Ngô Thị Linh	11/4/1998		16PNV01	8.3	B	7.3	B	6.6	C	2.67	Khá	
679	161250534111	Nguyễn Hồng Phong	22/6/1998		16PNV01	7.4	B	7.1	B	8.1	B	3.00	Khá	
680	161250534112	Trương Dương Thị Tr Sinh	10/11/1998		16PNV01	8.3	B	7.3	B	6.6	C	2.67	Khá	
681	161250534113	Hồ Ngọc Thanh Tâm	20/01/1999		16PNV01	8.2	B	7.3	B	7.1	B	3.00	Khá	
682	161250534114	Nguyễn Văn Tân	11/02/1998		16PNV01	8.1	B	7.8	B	8.1	B	3.00	Khá	
683	161250534115	Nguyễn Văn Tạo	01/4/1997		16PNV01	8.9	A	6.8	C	7.1	B	3.00	Khá	
684	161250534117	Nguyễn Đình Trường Thọ	08/4/1997		16PNV01	8.2	B	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
685	161250534118	Nguyễn Thị Thu Thương	01/6/1996		16PNV01	8.7	A	7.9	B	7.6	B	3.33	Giỏi	
686	161250534119	Lê Thị Thanh Thùy	26/01/1997		16PNV01	8.6	A	7.3	B	8.1	B	3.33	Giỏi	
687	161250534120	Phạm Thị Ngọc Trâm	13/3/1998		16PNV01	8.4	B	7.3	B	6.6	C	2.67	Khá	
688	161250534121	Hồ Thị Vừa	30/7/1998		16PNV01	6.8	C	7.4	B	6.6	C	2.33	Trung bình	
689	161250534122	Nguyễn Thị Kim Xuyên	10/01/1998		16PNV01	8.3	B	6.6	C	6.6	C	2.33	Trung bình	
690	161250534116	Đinh Thị Anh Thảo	05/10/1998		16PNV02	8.9	A	7.6	B	6.6	C	3.00	Khá	
691	161250534201	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/02/1998		16PNV02	7.0	B	6.5	C	7.1	B	2.67	Khá	
692	161250534202	Y Blir	09/9/1998		16PNV02	8.9	A	7.6	B	6.6	C	3.00	Khá	
693	161250534203	Nguyễn Văn Cư	06/6/1998		16PNV02	7.3	B	6.5	C	7.6	B	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
694	161250534204	Phạm Huy	Cường	21/6/1998		16PNV02	8.4	B	6.3	C	6.6	C	2.33	Trung bình	
695	161250534205	Nguyễn Thị	Đông	26/01/1998		16PNV02	8.0	B	7.1	B	8.1	B	3.00	Khá	
696	161250534206	Nguyễn Thị	Hằng	02/11/1998		16PNV02	7.6	B	7.6	B	7.1	B	3.00	Khá	
697	161250534207	Lê Bá	Hiệp	18/4/1998		16PNV02	8.2	B	6.0	C	6.6	C	2.33	Trung bình	
698	161250534208	Đình Thanh	Hoàng	19/3/1998		16PNV02	7.9	B	6.1	C	6.6	C	2.33	Trung bình	
699	161250534209	Đỗ Thị Phú	Khánh	22/10/1997		16PNV02	6.8	C	7.1	B	6.6	C	2.33	Trung bình	
700	161250534210	Hồ Văn	Khánh	01/01/1997		16PNV02	8.7	A	7.7	B	6.6	C	3.00	Khá	
701	161250534211	Phạm Thị	Lài	28/3/1998		16PNV02	8.9	A	7.9	B	7.1	B	3.33	Giỏi	
702	161250534212	Nguyễn Văn Hoàng	Linh	28/01/1998		16PNV02	6.4	C	6.3	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
703	161250534213	Hôih	My	27/12/1998		16PNV02	9.7	A	8.7	A	7.1	B	3.67	Xuất sắc	
704	161250534214	Nguyễn Quang Vương	Nhi	04/01/1997		16PNV02	9.2	A	8.4	B	6.6	C	3.00	Khá	
705	161250534215	Đào Thị Kim	Oanh	16/6/1998		16PNV02	9.7	A	7.3	B	7.6	B	3.33	Giỏi	
706	161250534216	Nguyễn Thị Thuyền	Quyên	17/11/1998		16PNV02	8.3	B	7.9	B	6.6	C	2.67	Khá	
707	161250534217	Lê Thị Thu	Sương	17/02/1997		16PNV02	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
708	161250534218	Trần Thị	Thắm	11/5/1998		16PNV02	8.9	A	7.3	B	7.6	B	3.33	Giỏi	
709	161250534220	Đình Thị	Thảo	01/4/1998		16PNV02	9.1	A	6.8	C	7.1	B	3.00	Khá	
710	161250534221	Hồ Văn	Thư	19/12/1998		16PNV02	9.7	A	7.7	B	7.6	B	3.33	Giỏi	
711	161250534222	Hoàng Thị Thảo	Vi	07/6/1998		16PNV02	7.8	B	6.5	C	7.6	B	2.67	Khá	
712	161250534223	Phan Thị Thảo	Vy	25/6/1997		16PNV02	8.1	B	7.9	B	7.6	B	3.00	Khá	
713	161250663101	Nguyễn Hoàng Việt	Dũng	14/01/1998		16QX1	7.3	B	8.1	B	6.5	C	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
714	161250663102	Trần Ngọc	Hàng	10/6/1998		16QX1	4.3	D	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
715	161250663103	Phan Nhật	Pháp	13/4/1996		16QX1	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
716	161250663104	Lê Tấn	Thiên	05/6/1998		16QX1	6.8	C	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
717	161250663107	Phạm Văn	Sen	12/11/1997		16QX1	7.9	B	8.7	A	7.8	B	3.33	Giỏi	
718	161250743101	Vũ Thị Minh	Ánh	10/02/1998	Đà Nẵng	16SH1	4.9	D	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
719	161250743103	Huỳnh Thị Mỹ	Hậu	17/11/1998	Quảng Nam	16SH1	5.2	D	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
720	161250743104	Nguyễn Ngọc	Hữu	04/10/1997		16SH1	4.4	D			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
721	161250743105	Nguyễn Ngọc	Khánh	24/6/1998	Đà Nẵng	16SH1	5.7	C	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
722	161250743108	Trần Hoài Phương	Thảo	06/9/1998	Đà Nẵng	16SH1	5.3	D	5.6	C	6.5	C	1.67	Không đạt	
723	161250743109	Nguyễn Bảo	Thiên	26/6/1998	Quảng Nam	16SH1	5.0	D			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
724	161250743110	Trần Minh	Thư	24/12/1998		16SH1	5.3	D	6.4	C	6.6	C	1.67	Không đạt	
725	161250743109	Trần Minh	Thư	24/02/1998	Gia Lai	16SH1							Thiếu điểm	Không đạt	
726	161250533101	Phạm Thị Thu	Anh	27/3/1998		16T1	1.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	
727	161250533102	Đào Bá Minh	Ánh	30/01/1998		16T1	7.1	B	7.7	B	6.7	C	2.67	Khá	
728	161250533103	Trần Văn	Cầm	05/6/1998		16T1	5.5	C	6.1	C	6.1	C	2.00	Trung bình	
729	161250533104	Nguyễn Đức Minh	Cường	21/9/1998		16T1	7.1	B	7.6	B	7.1	B	3.00	Khá	
730	161250533105	Hà Trọng	Đức	01/5/1997		16T1	7.4	B	6.0	C	5.8	C	2.33	Trung bình	
731	161250533106	Lê Văn	Đức	02/9/1998		16T1	6.6	C	8.3	B	7.8	B	2.67	Khá	
732	161250533107	Nguyễn Lâm	Dũng	21/12/1998		16T1	0.0	F	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
733	161250533108	Lê Ngọc	Dương	20/6/1998		16T1	7.4	B	6.4	C	8.0	B	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
734	161250533109	Phạm Văn	Dương	19/8/1998		16T1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
735	161250533110	Lê Văn	Duy	21/01/1998		16T1	5.6	C	5.5	C	5.8	C	2.00	Trung bình	
736	161250533111	Nguyễn Văn	Duy	20/4/1998		16T1	7.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
737	161250533112	Trần Công	Duy	13/10/1997		16T1	6.8	C	6.6	C	7.7	B	2.33	Trung bình	
738	161250533113	Lê Văn Hồng	Hải	18/11/1997		16T1	8.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
739	161250533114	Thân Đức Quang	Hải	26/12/1997		16T1	5.6	C	4.0	D	4.8	D	1.33	Không đạt	
740	161250533115	Hồ Thị Thanh	Hào	17/4/1997		16T1	6.4	C	7.2	B	7.4	B	2.67	Khá	
741	161250533116	Nguyễn Văn	Hiền	23/02/1998		16T1	7.4	B			5.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
742	161250533117	Huỳnh Trung	Hiếu	09/12/1998		16T1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
743	161250533118	Nguyễn Đình	Hòa	11/7/1997		16T1	6.1	C	7.2	B	5.8	C	2.33	Trung bình	
744	161250533119	Nguyễn Trung	Hòa	14/10/1998		16T1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
745	161250533120	Nguyễn Ngọc Huy	Hoàng	20/02/1998		16T1	7.8	B					Thiếu điểm	Không đạt	
746	161250533121	Lê Huỳnh	Huy	20/02/1998		16T1	6.4	C	5.5	C	7.4	B	2.33	Trung bình	
747	161250533122	Hồ Thanh	Long	05/9/1992		16T1	7.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
748	161250533123	Nguyễn Xuân	Long	01/02/1998		16T1	7.2	B	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
749	161250533124	Nguyễn Thành	Luận	15/4/1998		16T1	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
750	161250533125	Võ Dương Toàn	Lực	15/10/1998		16T1	6.2	C	5.6	C	8.9	A	2.67	Khá	
751	161250533126	Văn Đức	Mạnh	20/11/1998		16T1	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
752	161250533127	Phạm Thị Ngọc	Nga	16/9/1998		16T1	8.0	B	6.7	C	5.6	C	2.33	Trung bình	
753	161250533128	Nguyễn Thanh	Ngọc	20/02/1998		16T1	6.9	C	5.1	D	3.2	F	1.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
754	161250533129	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19/12/1997		16T1	6.1	C	6.3	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
755	161250533130	Nguyễn Hà	Nguyên	09/12/1998		16T1	5.6	C	6.8	C	6.7	C	2.00	Trung bình	
756	161250533131	Huỳnh Minh	Pháp	15/9/1997		16T1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
757	161250533132	Hoàng Tấn Tuấn	Phúc	01/5/1998		16T1	6.3	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
758	161250533133	Nguyễn Xuân Hoàng	Phúc	21/7/1998		16T1	7.1	B	7.1	B	1.2	F	2.00	Không đạt	
759	161250533134	Trương Tấn	Quang	07/9/1998		16T1	7.1	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
760	161250533135	Lữ Thái	Quốc	19/11/1998		16T1	8.0	B	6.2	C	7.4	B	2.67	Khá	
761	161250533136	Lê Bá	Quyên	26/02/1997		16T1	6.1	C	5.7	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
762	161250533137	Trương Đức	Ri	25/02/1997		16T1	7.6	B	9.4	A			Thiếu điểm	Không đạt	
763	161250533138	Trịnh Thị Mỹ	Sương	21/4/1997		16T1	9.0	A	7.4	B	6.9	C	3.00	Khá	
764	161250533139	Bùi Xuân	Sửu	05/12/1998		16T1	8.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
765	161250533140	Nguyễn Quang Anh	Tài	14/6/1997		16T1	5.7	C	6.4	C	6.0	C	2.00	Trung bình	
766	161250533141	Nguyễn Văn	Tài	29/10/1997		16T1	5.8	C	6.8	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
767	161250533142	Nguyễn Vương Phú	Tài	09/6/1998		16T1	6.4	C	6.8	C	6.9	C	2.00	Trung bình	
768	161250533143	Võ Quang	Tân	03/8/1998		16T1	6.3	C	4.7	D	6.6	C	1.67	Không đạt	
769	161250533144	Võ Hoàng	Thạch	10/11/1991		16T1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
770	161250533145	Huỳnh Nguyễn Bá	Thông	19/5/1998		16T1	7.6	B	7.9	B	1.2	F	2.00	Không đạt	
771	161250533146	Đoàn Đình	Thu	08/8/1998		16T1	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
772	161250533147	Phạm Phú	Thuận	02/5/1998		16T1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
773	161250533148	Nguyễn Minh	Trí	18/4/1998		16T1	6.3	C	6.0	C	7.0	B	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
774	161250533149	Phan Quốc	Trịnh	04/12/1998		16T1	7.3	B	6.8	C	4.9	D	2.00	Trung bình	
775	161250533150	Phạm Ngọc	Trường	05/3/1998		16T1	7.0	B	0.0	F	3.2	F	1.00	Không đạt	
776	161250533151	Nguyễn Ngọc	Tuấn	21/7/1998		16T1	8.2	B	7.3	B	7.2	B	3.00	Khá	
777	161250533152	Ngô Quang	Tuệ	16/11/1998		16T1	6.4	C	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
778	161250533153	Đỗ Thanh	Viên	03/6/1998		16T1	8.1	B	6.2	C	7.6	B	2.67	Khá	
779	161250533154	Trần Quốc	Việt	28/01/1998		16T1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
780	161250533155	Hoàng Viết	Vũ	19/7/1998		16T1	5.7	C	7.4	B	5.8	C	2.33	Trung bình	
781	161250533156	Nguyễn Nhật	Vương	21/11/1997		16T1	7.7	B	7.1	B	6.4	C	2.67	Khá	
782	161250533157	Nguyễn Văn	Xuyên	13/11/1998		16T1	6.1	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
783	161250533158	Lương Thị Như	Ý	20/10/1998		16T1	5.9	C	6.6	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
784	161250533159	Trần Văn Đức	Cường	13/4/1997		16T1	6.4	C	0.0	F	0.8	F	0.67	Không đạt	
785	161250533160	Phan	Hân	15/5/1997		16T1	5.6	C	5.7	C	0.8	F	1.33	Không đạt	
786	161250533161	Trần Công	Minh	27/5/1997		16T1	7.0	B	7.5	B	5.7	C	2.67	Khá	
787	161250533162	Lê Thị Ngọc	Trâm	09/3/1997		16T1			6.8	C	6.3	C	Thiếu điểm	Không đạt	
788	161250533164	Lê Ngọc	Thịnh	06/7/1996		16T1	6.3	C	7.6	B	5.6	C	2.33	Trung bình	
789	161250533201	Đặng Thu	Anh	12/7/1995		16T2	6.7	C	8.1	B	7.3	B	2.67	Khá	
790	161250533202	Trịnh Thị Mỹ	Anh	05/02/1998		16T2	7.6	B	6.7	C	8.1	B	2.67	Khá	
791	161250533203	Trần Quốc	Bảo	09/6/1998		16T2	7.2	B	7.8	B	6.8	C	2.67	Khá	
792	161250533204	Đỗ Ngọc	Bích	16/5/1997		16T2	5.6	C	0.0	F	0.8	F	0.67	Không đạt	
793	161250533205	Nguyễn Văn	Cường	10/6/1998		16T2	7.2	B	7.6	B	6.6	C	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
794	161250533206	Phạm Văn	Cường	22/5/1998		16T2	9.0	A	4.4	D	1.2	F	1.67	Không đạt	
795	161250533207	Vy Văn	Đô	19/8/1998		16T2	6.4	C	6.0	C	6.9	C	2.00	Trung bình	
796	161250533208	Nguyễn Thành	Dương	06/01/1998		16T2	5.6	C	3.2	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
797	161250533209	Trịnh Quang	Duy	21/5/1997		16T2	6.7	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
798	161250533210	Nguyễn Văn	Hải	06/11/1998		16T2	7.2	B	7.7	B	0.8	F	2.00	Không đạt	
799	161250533211	Trần Thị	Hạnh	02/3/1998		16T2	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
800	161250533212	Trần Thị	Hiệp	03/01/1998		16T2	6.0	C	9.2	A	8.4	B	3.00	Khá	
801	161250533213	Nguyễn Hoàng	Hiếu	18/8/1998		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
802	161250533215	Nguyễn	Hồ	01/11/1998		16T2	6.1	C	5.2	D	7.0	B	2.00	Trung bình	
803	161250533216	Lê Đăng	Hoan	01/7/1998		16T2	6.9	C	6.3	C	7.1	B	2.33	Trung bình	
804	161250533217	Đặng Huy	Hoàng	15/3/1997		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
805	161250533218	Siu	Hrim	05/6/1998		16T2	6.4	C	7.5	B	6.6	C	2.33	Trung bình	
806	161250533220	Nguyễn Quang	Hương	03/12/1998		16T2	6.5	C	5.2	D	1.2	F	1.00	Không đạt	
807	161250533221	Phan Cảnh	Hữu	13/4/1998		16T2	8.3	B	8.1	B	7.1	B	3.00	Khá	
808	161250533223	Nguyễn An	Khang	02/9/1998		16T2	7.4	B	6.9	C	7.2	B	2.67	Khá	
809	161250533224	Huỳnh Trần	Lai	22/4/1998		16T2	6.3	C	6.8	C	7.5	B	2.33	Trung bình	
810	161250533225	Ngô Ngọc	Lâm	15/10/1998		16T2	7.1	B	7.5	B	8.3	B	3.00	Khá	
811	161250533226	Nguyễn Trường	Linh	23/5/1998		16T2	8.1	B	8.0	B	7.4	B	3.00	Khá	
812	161250533227	Huỳnh Hoàng	Minh	30/6/1998		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
813	161250533228	Đặng Ngọc	Nguyễn	18/11/1998		16T2	6.6	C	6.4	C	6.3	C	2.00	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
814	161250533229	Hồ Minh	Nhật	14/11/1998		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
815	161250533230	Phan Thanh	Nhật	26/6/1998		16T2	7.8	B	6.8	C	7.4	B	2.67	Khá	
816	161250533231	Trương Văn	Nho	23/4/1998		16T2	7.1	B	5.5	C	7.7	B	2.67	Khá	
817	161250533232	Nguyễn Tiến	Phú	25/6/1997		16T2	6.0	C	2.6	F			Thiếu điểm	Không đạt	
818	161250533233	Phạm Trường Văn	Phúc	20/10/1998		16T2	7.6	B	6.0	C	1.2	F	1.67	Không đạt	
819	161250533234	Nguyễn Văn	Phương	14/01/1998		16T2	8.1	B	9.7	A	8.6	A	3.67	Xuất sắc	
820	161250533235	Nguyễn Nhật	Quang	16/12/1998		16T2	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
821	161250533236	Nguyễn Hà Anh	Quốc	17/9/1998		16T2	7.6	B	3.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
822	161250533237	Phan Tiến	Quốc	27/5/1998		16T2	6.3	C	6.1	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
823	161250533238	Đặng	Quyền	28/3/1998		16T2	7.7	B	7.7	B			Thiếu điểm	Không đạt	
824	161250533239	Đỗ Minh	Tâm	11/3/1997		16T2	8.0	B	8.2	B	8.6	A	3.33	Giỏi	
825	161250533240	Nguyễn Đức	Thắng	27/5/1998		16T2			6.5	C	7.8	B	Thiếu điểm	Không đạt	
826	161250533241	Lê Văn	Thảo	12/3/1998		16T2	6.2	C	9.3	A	8.0	B	3.00	Khá	
827	161250533242	Võ Đức	Thiện	08/10/1998		16T2	6.0	C	5.6	C	6.9	C	2.00	Trung bình	
828	161250533243	Hồ Đăng	Thuần	18/8/1989		16T2	5.9	C	6.8	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
829	161250533244	Nguyễn Văn	Tiến	27/12/1996		16T2	5.6	C	7.0	B	7.6	B	2.67	Khá	
830	161250533245	Nguyễn Ngọc	Triệu	13/8/1998		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
831	161250533246	Dương Thị	Trúc	20/6/1997		16T2	7.6	B	7.2	B	8.0	B	3.00	Khá	
832	161250533247	Phan Thanh Viết	Trung	31/5/1998		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
833	161250533248	Nguyễn Văn	Trường	12/3/1998		16T2	8.1	B	5.7	C	7.4	B	2.67	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
834	161250533249	Phạm Anh	Tú	07/8/1998		16T2	7.8	B	8.1	B	7.2	B	3.00	Khá	
835	161250533250	Doãn Thanh	Tuấn	15/8/1998		16T2	7.2	B	5.6	C	0.0	F	1.67	Không đạt	
836	161250533251	Võ Anh	Tuấn	20/8/1998		16T2	7.8	B	5.6	C	6.3	C	2.33	Trung bình	
837	161250533252	Trương Công	Tuệ	05/4/1997		16T2	6.0	C	5.5	C	6.9	C	2.00	Trung bình	
838	161250533253	Đình Phạm	Tuyên	25/5/1998		16T2	6.0	C	6.6	C	5.5	C	2.00	Trung bình	
839	161250533254	Huỳnh Trọng	Việt	03/3/1998		16T2	7.0	B	5.2	D			Thiếu điểm	Không đạt	
840	161250533255	Nguyễn Quốc	Việt	05/5/1994		16T2	8.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
841	161250533256	Huỳnh Hồ Bá	Vương	31/8/1998		16T2	7.3	B	6.4	C	1.2	F	1.67	Không đạt	
842	161250533257	Nguyễn Trường	Xuân	28/01/1998		16T2	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
843	161250533258	Hoàng Văn	Hoan	06/12/1997		16T2	7.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
844	161250533259	Võ Thị Ngọc	Na	06/02/1998		16T2	7.1	B	8.0	B	7.6	B	3.00	Khá	
845	161250533260	Phạm	Khang	20/12/1998		16T2	6.0	C	5.6	C	6.2	C	2.00	Trung bình	
846	161250533261	Đào Duy	Nghĩa	16/12/1998		16T2	6.0	C	5.6	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
847	161250533262	Cao Hữu	Hồi	30/4/1996		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
848	161250533263	Phạm Đình	Thiện	16/11/1995		16T2							Thiếu điểm	Không đạt	
849	161250533264	Lê Phú	Bá	08/02/1997		16T2			5.7	C	7.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
850	161250533301	Quách Bình	An	25/3/1998	Hà Nội	16T3	7.0	B	2.3	F	0.0	F	1.00	Không đạt	
851	161250533302	Hoàng Tuấn	Anh	08/10/1998		16T3	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
852	161250533305	Lê Văn	Chương	26/11/1998		16T3	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
853	161250533307	Lê Quang Việt	Cường	03/02/1997		16T3	7.0	B	8.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
854	161250533309	Trương Phạm Anh	Đức	22/11/1998		16T3	7.0	B	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
855	161250533310	Võ Văn Minh	Đức	08/3/1998		16T3	6.7	C	7.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
856	161250533312	Nguyễn Phước	Hải	10/10/1998		16T3	6.7	C	5.2	D	0.0	F	1.00	Không đạt	
857	161250533317	Trần Quốc	Hùng	21/8/1997	Đà Nẵng	16T3	5.4	D	5.3	D	7.2	B	1.67	Không đạt	
858	161250533319	Nguyễn Duy	Hung	01/6/1998		16T3	6.4	C	5.6	C	5.8	C	2.00	Trung bình	
859	161250533319	Nguyễn Duy	Hung	01/9/1998	Đà Nẵng	16T3							Thiếu điểm	Không đạt	
860	161250533321	Võ Hoàng	Kha	04/11/1998		16T3	5.4	D					Thiếu điểm	Không đạt	
861	161250533323	Nguyễn Tấn	Khương	02/9/1998		16T3	7.0	B			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
862	161250533325	Ngô Văn	Mỹ	25/8/1998		16T3	7.0	B	5.5	C	5.5	C	2.33	Trung bình	
863	161250533325	Ngô Văn	Mỹ	23/8/1998	Đà Nẵng	16T3							Thiếu điểm	Không đạt	
864	161250533328	Trần Nguyên	Ngọc	19/02/1998		16T3	6.4	C	5.8	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
865	161250533330	Nguyễn Thanh	Nhiệt	04/4/1998		16T3	7.0	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
866	161250533333	Phạm Hoàng	Phúc	06/11/1997		16T3	6.7	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
867	161250533337	Lương Văn	Quang	10/10/1998		16T3	1.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	
868	161250533339	Phan Văn	Thăng	10/01/1998		16T3	5.4	D	6.4	C	6.6	C	1.67	Không đạt	
869	161250533341	Hà Thúc	Thịnh	01/7/1997		16T3	7.5	B	5.5	C	8.0	B	2.67	Khá	
870	161250533342	Huỳnh Minh	Thông	17/11/1998	Đà Nẵng	16T3	3.6	F	6.4	C	6.4	C	1.33	Không đạt	
871	161250533343	Trần Minh	Thông	16/6/1998		16T3	5.6	C	5.5	C	8.0	B	2.33	Trung bình	
872	161250533346	Nguyễn Ngọc	Toán	07/6/1998		16T3	4.8	D					Thiếu điểm	Không đạt	
873	161250533347	Nguyễn Văn	Toán	18/10/1998	Quảng Nam	16T3	6.5	C	5.3	D	6.6	C	1.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
874	161250533348	Hồ Quốc	Trữ	23/9/1998		16T3	7.5	B	4.8	D	5.6	C	2.00	Trung bình	
875	161250533348	Hồ Quốc	Trữ	23/9/1998	Đà Nẵng	16T3							Thiếu điểm	Không đạt	
876	161250533349	Nguyễn Văn	Tú	27/8/1998	Quảng Nam	16T3	4.9	D	5.7	C	6.5	C	1.67	Không đạt	
877	161250533351	Trương Thanh	Tùng	04/11/1998		16T3	7.4	B	7.9	B	6.9	C	2.67	Khá	
878	161250533352	Lê Hữu Minh	Tuyên	24/8/1998		16T3	6.7	C	5.1	D	7.3	B	2.00	Trung bình	
879	161250533353	Hồ Minh	Uyên	05/3/1998		16T3	4.5	D	0.6	F			Thiếu điểm	Không đạt	
880	161250533354	Lê Trương	Vũ	14/12/1998		16T3	5.2	D	2.7	F			Thiếu điểm	Không đạt	
881	161250533356	Huỳnh Quốc	Vương	24/02/1997		16T3	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
882	161250533358	Lương Triều	Vỹ	03/01/1998		16T3	7.5	B	6.0	C	7.0	B	2.67	Khá	
883	161250533358	Lương Triều	Vỹ	03/01/1998	Quảng Nam	16T3							Thiếu điểm	Không đạt	
884	161250533359	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	04/10/1998		16T3	5.9	C			6.1	C	Thiếu điểm	Không đạt	
885	161250533361	Nguyễn Nam	Cường	10/12/1997		16T3	5.8	C	5.9	C	5.9	C	2.00	Trung bình	
886	161250533404	Hồ Văn	Bình	03/7/1997		16T4	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
887	161250533406	Nguyễn Xuân Thành	Đạt	24/12/1998		16T4	1.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
888	161250533408	Nguyễn Ngọc	Giang	19/11/1998	Đà Nẵng	16T4	7.7	B			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
889	161250533410	Trương Quốc	Hà	26/02/1998	Quảng Nam	16T4	7.6	B	1.2	F	5.9	C	1.67	Không đạt	
890	161250533412	Nguyễn Thanh	Hoàng	30/10/1998		16T4	6.8	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
891	161250533415	Nguyễn Thanh	Hưng	05/10/1997		16T4	1.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
892	161250533416	Văn Huỳnh Quốc	Hưng	14/4/1998		16T4	8.7	A					Thiếu điểm	Không đạt	
893	161250533422	Nguyễn Văn Bảo	Nghĩa	26/11/1998	Đà Nẵng	16T4	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
894	161250533424	Hồ Văn	Nhân	06/01/1997	Quảng Nam	16T4	7.1	B	7.8	B	1.2	F	2.00	Không đạt	
895	161250533425	Trần Kim	Nhanh	25/4/1997		16T4	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
896	161250533426	Nguyễn Hoàng	Nhi	26/01/1998		16T4	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
897	161250533427	Hà	Ninh	19/01/1998	Đà Nẵng	16T4	1.2	F	5.9	C	1.2	F	0.67	Không đạt	
898	161250533428	Hoàng Văn	Phi	21/9/1998		16T4	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
899	161250533429	Hoàng Ngọc	Phước	24/12/1998		16T4	5.8	C	7.6	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
900	161250533430	Lê Hữu	Phước	09/9/1998	Đà Nẵng	16T4	6.0	C	4.3	D	1.2	F	1.00	Không đạt	
901	161250533432	Nguyễn Phan Thanh	Quyn	26/7/1998		16T4	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
902	161250533433	Nguyễn Văn	Rin	25/12/1998		16T4	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
903	161250533434	Phan Ngọc	Sáu	20/3/1998	Bình Định	16T4	7.2	B	0.0	F	6.0	C	1.67	Không đạt	
904	161250533436	Phạm Thanh	Son	05/7/1998	Đà Nẵng	16T4	6.0	C	7.3	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
905	161250533437	Lê	Sừu	16/12/1997		16T4	6.9	C	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
906	161250533439	Võ Ngọc	Thắng	01/01/1998	Đà Nẵng	16T4	7.7	B			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
907	161250533444	Nguyễn Văn	Thôi	28/10/1997		16T4	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
908	161250533447	Trần Nguyễn Minh	Trí	10/3/1998	Thừa Thiên Huế	16T4	7.0	B	1.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
909	161250533449	Nguyễn Văn	Trường	30/7/1997		16T4	6.5	C			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
910	161250533453	Dương Tấn	Vinh	14/9/1998		16T4	6.9	C	7.7	B	7.8	B	2.67	Khá	
911	161250533453	Dương Tấn	Vinh	14/9/1997	Quảng Nam	16T4							Thiếu điểm	Không đạt	
912	161250533454	Nguyễn Văn	Vinh	12/9/1998		16T4	7.2	B	7.2	B	7.1	B	3.00	Khá	
913	161250533456	Nguyễn Đình	Vũ	05/4/1997		16T4	8.2	B	1.5	F			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
914	161250533457	Nguyễn Đức Minh Ý	08/6/1998		16T4	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
915	161250533458	Nguyễn Thị Yến	17/12/1997		16T4	6.8	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
916	161250533503	Hồ Trâm Anh	20/8/1998	Thừa Thiên Huế	16T5	5.2	D	7.6	B			Thiếu điểm	Không đạt	
917	161250533504	Trần Hoàng Công Minh Tuấn Anh	16/01/1998		16T5	6.4	C	5.9	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
918	161250533505	Trần Công Bảo	02/12/1997	Quảng Nam	16T5	3.3	F	5.9	C	5.3	D	1.00	Không đạt	
919	161250533507	Hồ Thành Đạt	08/6/1998		16T5	7.8	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
920	161250533509	Võ Quốc Dũng	13/8/1996		16T5	7.6	B	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
921	161250533510	Nguyễn An Dương	10/4/1998	Thừa Thiên Huế	16T5	7.5	B	2.1	F	5.0	D	1.33	Không đạt	
922	161250533511	Lê Thị Hạ	12/10/1997		16T5	7.1	B	5.8	C	7.1	B	2.67	Khá	
923	161250533514	Nguyễn Văn Hiền	17/4/1998		16T5	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
924	161250533515	Hoàng Minh Hiếu	16/9/1998	Quảng Bình	16T5	7.3	B	7.0	B	1.2	F	2.00	Không đạt	
925	161250533516	Trần Minh Hoàng	10/7/1998		16T5	7.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
926	161250533518	Đồng Đắc Huy	14/3/1998		16T5	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
927	161250533519	Trần Văn Khả	22/7/1998	Quảng Ngãi	16T5	7.6	B	4.7	D	4.9	D	1.67	Không đạt	
928	161250533521	Đinh Vũ Ngọc Khoa	17/01/1997	Đà Nẵng	16T5	6.4	C	4.0	D	6.4	C	1.67	Không đạt	
929	161250533524	Lê Nhật Lai	10/9/1998		16T5	2.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	
930	161250533528	Bùi Đức Lực	18/5/1998		16T5	6.7	C	3.7	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
931	161250533529	Nguyễn Đức Mạnh	20/5/1997	Quảng Nam	16T5	6.8	C			5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
932	161250533531	Nguyễn Đức Nam	30/3/1998		16T5	6.3	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
933	161250533533	Trần Văn Phước	19/3/1998	Quảng Nam	16T5	2.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
934	161250533535	Phạm Văn	Quý		Quảng Nam	16T5	5.9	C	5.6	C	7.2	B	2.33	Trung bình	
935	161250533536	Nguyễn Thanh	Son	16/12/1998	Gia Lai	16T5	6.4	C	4.8	D			Thiếu điểm	Không đạt	
936	161250533537	Đỗ Minh	Tâm	29/6/1997	Quảng Nam	16T5	2.4	F	7.5	B	6.0	C	1.67	Không đạt	
937	161250533538	Nguyễn Thành	Tâm	20/9/1998	Quảng Bình	16T5	7.1	B	8.6	A	1.2	F	2.33	Không đạt	
938	161250533539	Võ Thanh	Tâm	20/4/1997		16T5	5.4	D	2.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
939	161250533540	Trần Ngọc	Tân	02/02/1998	Đà Nẵng	16T5	0.9	F	1.2	F	7.0	B	1.00	Không đạt	
940	161250533544	Trần Hiếu	Tinh	15/5/1998	Quảng Trị	16T5	5.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
941	161250533547	Phan Văn	Trung	30/01/1998		16T5	7.0	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
942	161250533549	Trần Văn	Tuyển	13/3/1998	Quảng Trị	16T5	7.2	B	6.1	C	3.7	F	1.67	Không đạt	
943	161250533552	Nguyễn Quang	Vinh	22/12/1998		16T5	5.3	D	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
944	161250533553	Nguyễn Văn Lôi	Vũ	09/4/1998		16T5	7.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
945	161250533556	Lữ Hữu	Ý	24/12/1998		16T5	2.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
946	161250533557	Phạm Thị Kim	Yến	10/12/1998		16T5	8.5	A	1.9	F	0.0	F	1.33	Không đạt	
947	161250533558	Ngô Hữu	Duy	26/4/1997	Quảng Trị	16T5	6.6	C	7.2	B	2.7	F	1.67	Không đạt	
948	161250533559	Nguyễn Thành	Ri	09/10/1997		16T5	6.0	C	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
949	161250533560	Nguyễn Hoàng	Nam	16/7/1998		16T5	2.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
950	161250533561	Trần Đình Quốc	Việt	01/10/1998	Thừa Thiên Huế	16T5							Thiếu điểm	Không đạt	
951	161250633101	Nguyễn Phan	An	24/02/1987		16XC1							Thiếu điểm	Không đạt	
952	161250633103	Dương Bá	Cường	14/6/1998		16XC1	7.2	B	5.6	C	5.6	C	2.33	Trung bình	
953	161250633104	Nguyễn Văn Lê	Đuẩn	11/6/1995		16XC1	9.3	A	7.6	B			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
954	161250633105	Nguyễn Anh	Huy	20/4/1979		16XC1							Thiếu điểm	Không đạt	
955	161250633106	Trần Lê Khánh	Long	23/5/1998		16XC1	2.6	F			7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
956	161250633107	Nguyễn Thế	Năng	15/7/1998		16XC1	7.0	B	6.4	C	5.6	C	2.33	Trung bình	
957	161250633108	Nguyễn Hữu	Ngà	17/9/1997		16XC1	3.4	F	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
958	161250633109	Trương	Ngọc	01/01/1998		16XC1	5.6	C	8.0	B	8.0	B	2.67	Khá	
959	161250633110	Võ Văn	Nhứt	23/12/1998		16XC1	5.9	C	7.6	B			Thiếu điểm	Không đạt	
960	161250633111	Nguyễn Văn	Phùng	21/3/1998		16XC1	7.2	B	5.6	C	6.8	C	2.33	Trung bình	
961	161250633112	Dương Quang	Sáng	20/9/1998		16XC1	8.4	B	6.5	C	7.0	B	2.67	Khá	
962	161250633113	Nguyễn Đình	Sơn	12/3/1998		16XC1	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
963	161250633114	Nguyễn Văn	Tài	30/7/1998		16XC1	7.7	B	7.0	B	7.1	B	3.00	Khá	
964	161250633116	Hồ Văn	Thiện	05/4/1997		16XC1	6.9	C	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
965	161250633117	Phan Văn	Thuận	26/12/1997		16XC1	8.0	B	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
966	161250633119	Trần Thanh	Tiến	09/12/1998		16XC1	5.8	C			5.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
967	161250633120	Ngô Quang	Trung	15/4/1998		16XC1	7.7	B	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
968	161250633121	Nguyễn Thành	Trung	18/11/1998		16XC1	6.7	C	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
969	161250633122	Lương Quang	Trường	06/7/1998		16XC1	7.1	B	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
970	161250633124	Đặng Minh	Tuấn	10/8/1998		16XC1	8.4	B	6.6	C	7.0	B	2.67	Khá	
971	161250633125	Trần Công	Tuấn	21/02/1998		16XC1	6.9	C	8.3	B	7.6	B	2.67	Khá	
972	161250633126	Huỳnh Văn	Tuyên	25/9/1998		16XC1	7.6	B	5.6	C	5.5	C	2.33	Trung bình	
973	161250633128	Nguyễn Triệu	Vỹ	31/10/1997		16XC1	6.8	C	8.1	B	6.6	C	2.33	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
974	161250633132	Phạm Hoàng Nguyên Cát	16/10/1996		16XC1					6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
975	161250613101	Trần Văn Ánh	01/3/1998		16XD1	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
976	161250613107	Huỳnh Hồng Định	06/02/1997		16XD1	7.2	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
977	161250613108	Nguyễn Việt Dũng	16/5/1998	Quảng Trị	16XD1	6.5	C	6.0	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
978	161250613110	Ngô Phúc Hậu	26/01/1998	Quảng Nam	16XD1	7.3	B	7.2	B	1.2	F	2.00	Không đạt	
979	161250613111	Đặng Quang Hiếu	15/6/1998		16XD1	6.1	C					Thiếu điểm	Không đạt	
980	161250613116	Lữ Đình Khương	27/8/1998		16XD1	6.0	C	6.5	C	7.3	B	2.33	Trung bình	
981	161250613117	Huỳnh Anh Kiệt	01/5/1998		16XD1	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
982	161250613120	Trần Văn Lắm	02/11/1998		16XD1	7.8	B					Thiếu điểm	Không đạt	
983	161250613121	Võ Sỹ Liêm	02/7/1998		16XD1	8.4	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
984	161250613134	Bùi Hoàn Minh Quan	08/5/1998	Gia Lai	16XD1	6.0	C	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
985	161250613135	Lê Văn Quốc	25/9/1994		16XD1	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
986	161250613136	Lê Tự Sơn	20/02/1998	Hà Tĩnh	16XD1	7.6	B	7.2	B	0.0	F	2.00	Không đạt	
987	161250613138	Lê Minh Tân	16/9/1998	Đắk Lắk	16XD1	5.5	C			4.0	D	Thiếu điểm	Không đạt	
988	161250613139	Võ Văn Tân	12/11/1997		16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
989	161250613141	Nguyễn Nhất Thanh	10/02/1997		16XD1	7.9	B	6.4	C	7.8	B	2.67	Khá	
990	161250613142	Đỗ Văn Thế	13/10/1996		16XD1	7.6	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
991	161250613143	Nguyễn Thi	22/12/1997		16XD1	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
992	161250613146	Nguyễn Hữu Tiến	07/6/1998		16XD1	5.8	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
993	161250613152	Dương Hiền Tuấn	25/10/1998		16XD1	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
994	161250613153	Lê Văn	Tuấn	10/10/1998		16XD1	2.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
995	161250613155	Phan Văn	Việt	20/4/1998		16XD1	6.6	C	4.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
996	161250613156	Hoàng Tuấn	Vũ	27/5/1998		16XD1	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
997	161250613157	Phạm Văn	Vũ	11/4/1998	Đà Nẵng	16XD1	5.6	C	4.4	D	6.5	C	1.67	Không đạt	
998	161250613158	Trương Huy	Vũ	15/11/1998	Quảng Nam	16XD1	7.1	B	7.3	B	0.0	F	2.00	Không đạt	
999	161250613160	Lê Công Tuấn	Anh	28/02/1998		16XD1	7.0	B	4.4	D	7.6	B	2.33	Trung bình	
1000	161250613162	Nguyễn Hữu Hoàng	Hiệp	17/02/1997		16XD1	6.1	C					Thiếu điểm	Không đạt	
1001	161250613168	Nguyễn Văn	Nghĩa	10/9/1996		16XD1	7.0	B	5.5	C	6.1	C	2.33	Trung bình	
1002	161250613170	Hoàng Xuân	Lâm	13/4/1996		16XD1			4.5	D			Thiếu điểm	Không đạt	
1003	161250613172	Đào Hoàng	Nhật	30/01/1997	Quảng Nam	16XD1			5.6	C	4.4	D	Thiếu điểm	Không đạt	
1004	161250613173	Lê Phúc Anh	Tuấn	27/11/1998	Đà Nẵng	16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
1005	161250663101	Nguyễn Hoàng Việt	Dũng	14/01/1998	Bình Định	16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
1006	161250663102	Trần Ngọc	Hàng	10/6/1998		16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
1007	161250663104	Lê Tấn	Thiên	05/6/1998	Quảng Ngãi	16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
1008	161250663107	Phạm Văn	Sen	12/11/1997	Quảng Ngãi	16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
1009	161250663109	Hồ Văn	Việt	07/4/1998		16XD1							Thiếu điểm	Không đạt	
1010	161250643104	Nguyễn Tùng	Giang	10/5/1998		16XH1	8.8	A					Thiếu điểm	Không đạt	
1011	161250643105	Nguyễn Xuân	Hoàng	30/5/1997	Quảng Nam	16XH1	6.5	C	2.4	F	6.2	C	1.33	Không đạt	
1012	161250643106	Phạm Văn	Khiên	05/9/1993		16XH1	4.0	D	5.1	D			Thiếu điểm	Không đạt	
1013	161250643111	Nguyễn Văn	Phước	30/01/1998	Thừa Thiên Huế	16XH1	6.5	C	4.8	D	5.4	D	1.33	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm trung bình chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
1014	161250643112	Phạm Phú Quang	08/02/1998		16XH1	2.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
1015	161250643113	Võ Tấn Quy	22/4/1998		16XH1	5.6	C	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
1016	161250643114	Hoàng Văn Sĩ	07/8/1995		16XH1	8.4	B	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
1017	161250643115	Trương Thanh Sơn	18/01/1996		16XH1	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
1018	161250643118	Nguyễn Văn Thuyết	28/6/1998		16XH1	6.1	C	4.8	D			Thiếu điểm	Không đạt	
1019	161250643119	Lê Đình Tín	24/6/1997	Quảng Trị	16XH1	6.1	C	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
1020	161250643120	Trần Ngọc Trai	02/8/1998		16XH1	6.3	C	6.8	C	6.4	C	2.00	Trung bình	
1021	161250643122	Phạm Phú Vinh	08/02/1998		16XH1	2.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	

Tổng cộng: 1021 sinh viên .

LẬP DANH SÁCH

TỔ TRƯỞNG TỔ ĐÀO TẠO, CTSV

Q. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Sương

Nguyễn Xuân Hiền

ThS. Võ Đình Hợp